

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Vũ Thị Hoa**

Giảng viên hướng dẫn : **TS. Giang Thị Xuyên**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Vũ Thị Hoa**

Giảng viên hướng dẫn : **TS.Giang Thị Xuyên**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hoa

Mã SV: 110008

Lớp: QT 1105K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Khánh Hội

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khánh Hội.
 - Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Khánh Hội, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu, chứng từ, sổ sách năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Khánh Hội.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

1 Tính cấp thiết của đề tài 8

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài 8

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài: 8

4. Phương pháp nghiên cứu..... 8

5. Nội dung kết cấu của đề tài 8

Chương 1: LÝ LUẬN VÀ THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP 10

1.1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 10

1.1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 10

1.1.2. Các khái niệm cơ bản 11

1.1.2.1. Doanh thu 11

1.1.2.2. Chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... 15

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 18

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU..... 19

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 19

1.2.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 21

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 22

1.2.4. Kế toán thu nhập khác..... 23

1.2.4. Kế toán thu nhập khác..... 24

1.3. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH..... 25

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán..... 25

1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng..... 29

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	31
1.3.4 . Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính	33
1.3.5. Kế toán chi phí khác.....	34
1.3.5. Kế toán chi phí khác.....	34
1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	34
1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	35
1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35
1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	38
Chương 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI	39
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI.....	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Khánh Hội	39
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.	40
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Khánh Hội.....	41
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Khánh Hội	43
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	43
2.1.4.2. Hình thức kế toán, các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	44
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI	46
2.2.1. Kế toán doanh thu	46
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	58
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	58
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	61
2.2.2. Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh	65
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	65
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	70

2.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	75
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	78
2.2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	81
2.3. NHẬN XÉT VỀ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI	87
2.3.1. Ưu điểm.....	87
2.3.2. Hạn chế.....	88
Chương 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI	90
3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN	90
3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Khánh Hội.	90
3.1.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện	91
3.2.1. Kiến nghị 1: Về hệ thống sổ kế toán.....	92
3.2.2. Kiến nghị 2: Về vấn đề lập dự phòng phải thu khó đòi	96
3.2.3. Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán, ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán.....	97
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU	

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng nhằm cung cấp kịp thời thông tin cho nhà quản trị, từ đó ra quyết định và điều hành doanh nghiệp một cách phù hợp nên đòi hỏi phải được nghiên cứu, hoàn thiện.

Vì vậy em quyết định chọn nghiên cứu đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội”*.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Hệ thống hóa, có phân tích những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp, thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội. Trên cơ sở hệ thống hóa, phân tích những vấn đề chung và nghiên cứu khảo sát thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện kế toán trong lĩnh vực này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

Đối tượng nghiên cứu: Lý luận và thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp biện chứng, phương pháp kế toán...

5. Nội dung kết cấu của đề tài

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Lý luận và thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội.

Chương 1**LÝ LUẬN VÀ THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH
NGHIỆP****1.1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH****1.1.1. Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và
xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh có thể thực hiện vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác quan tâm như: các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý....

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp. Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa lợi ích kinh tế nhà nước tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với doanh nghiệp, giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp có thông tin cần thiết cho việc đưa ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp một cách phù hợp và kịp thời

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14)

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Bán hàng và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

*** Phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu**

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
- + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp**

Trong điều kiện kinh doanh hôm nay, để đẩy mạnh bán ra thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu

khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

Chiết khấu thương mại:

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán.

Giảm giá hàng bán:

- Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

Giá trị hàng bán bị trả lại:

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

b. Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

c. Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

d. Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- **Chi phí:** Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

- **Chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:**

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch

vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- + Chi phí nhân viên bán hàng
- + Chi phí vật liệu, bao bì
- + Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Chi phí bảo hành sản phẩm.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí bằng tiền khác

- Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN): Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thương. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:

- + Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.
- + Chi phí vật liệu quản lý
- + Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp
- + Thuế, phí và lệ phí
- + Chi phí dự phòng
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí bằng tiền khác

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

* **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- **Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính; Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác thời điểm sản phẩm, hàng hóa được coi là tiêu thụ ở mỗi phương thức bán hàng khác nhau để kịp thời phản ánh doanh thu một cách chính xác.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2. KẾ TOÁN DOANH THU

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho....

* Tài khoản sử dụng:

- **TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”** : phản ánh doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. TK 511 chi tiết theo yêu cầu quản lý.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- **TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”**: phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp.

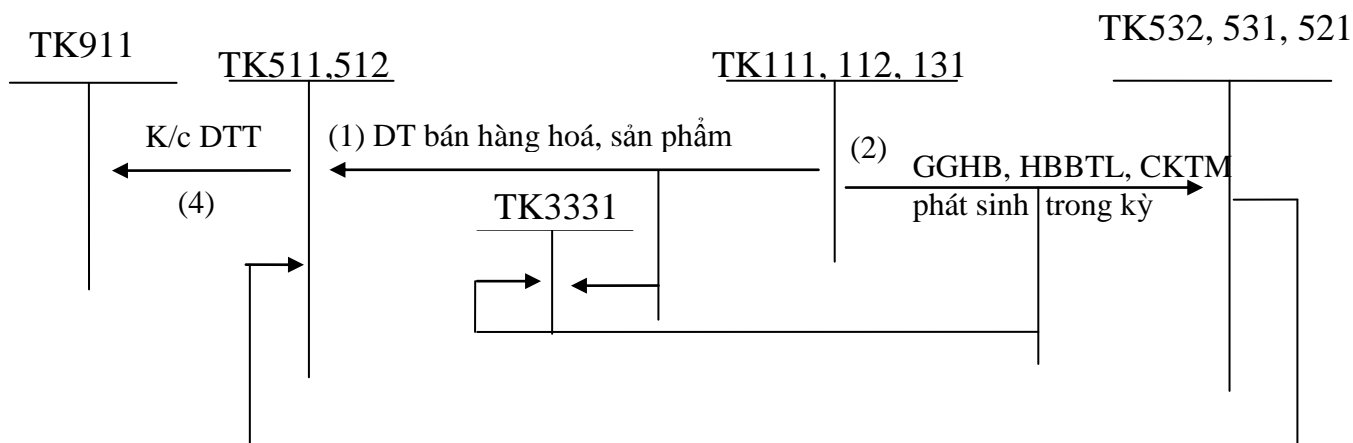
TK 512 có 3 TK cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5122 - Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

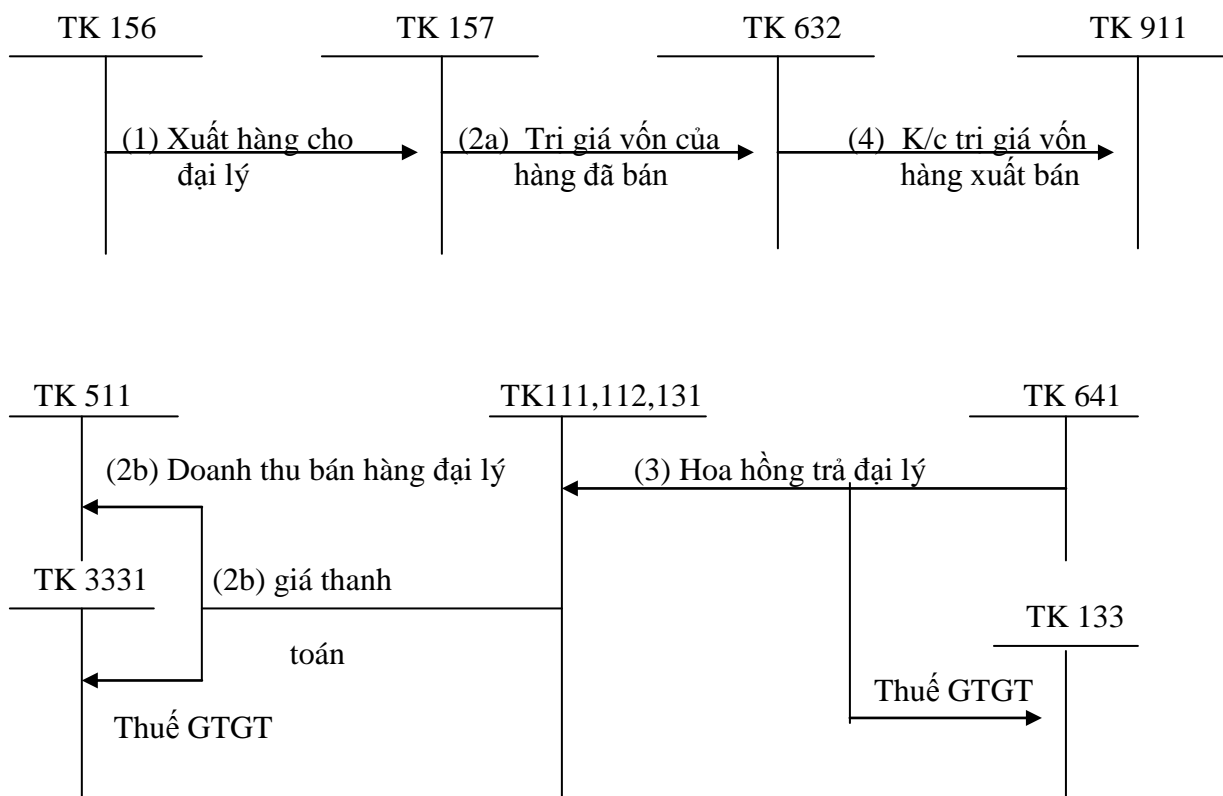
* **Trình tự kế toán doanh thu theo sơ đồ sau đây:**

Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán doanh thu theo phương thức trực tiếp

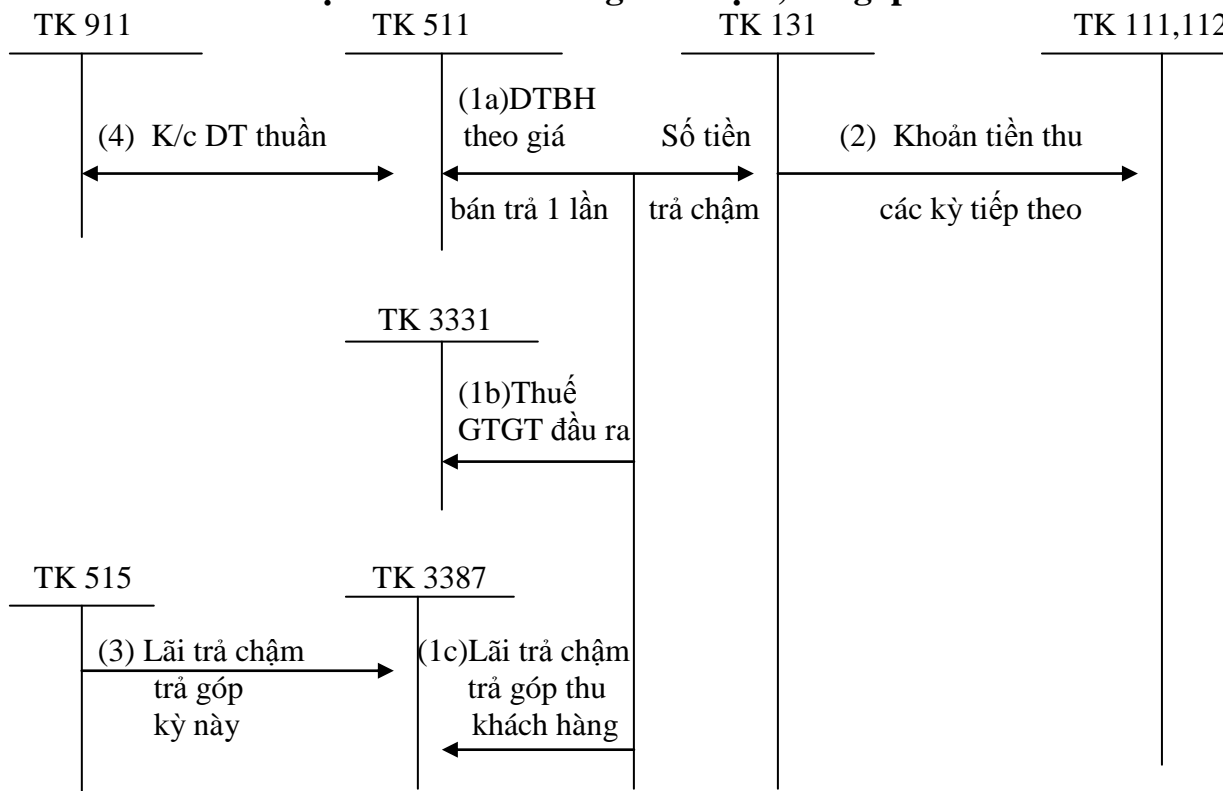


(3) Cuối kỳ kết chuyển số tiền GGHB, HBBTL, CKTM

Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán bán hàng đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán bán hàng trả chậm, trả góp



1.2.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của nhân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

*** Tài khoản sử dụng**

- **TK 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):** Phản ánh số tiền doanh nghiệp giảm giá cho khách hàng mua với số lượng lớn

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

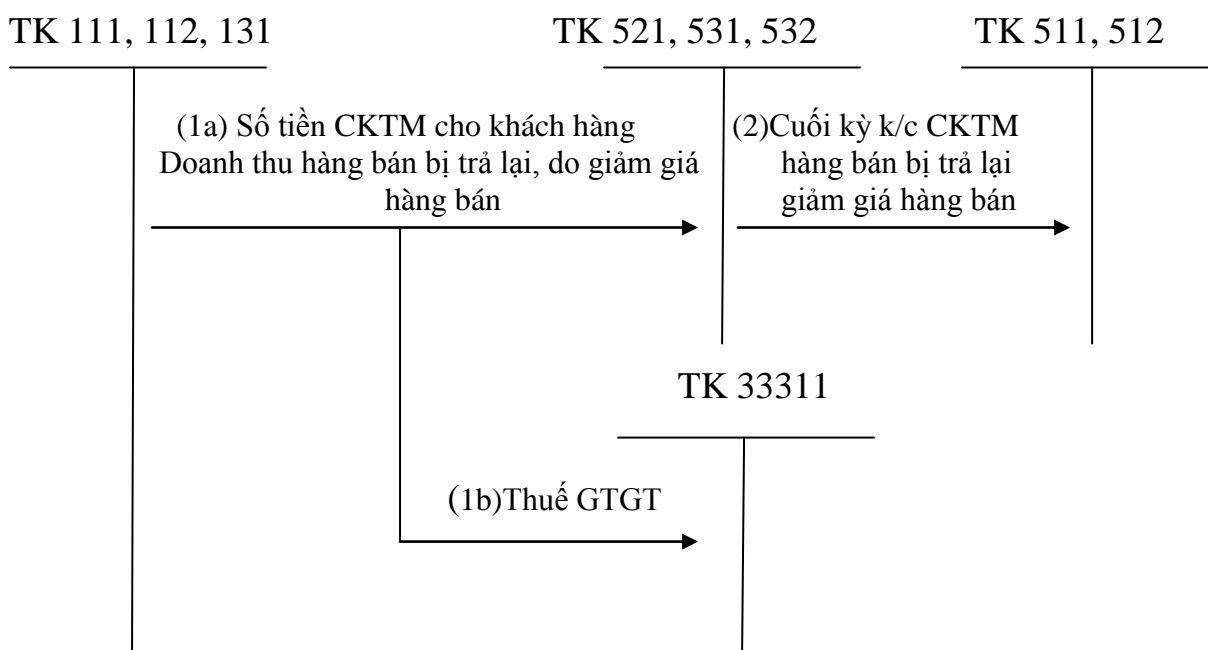
- **TK 531 “ Hàng bán bị trả lại ” :** Phản ánh số doanh thu thành phẩm hàng bán đã

tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân lỗi thuộc về doanh nghiệp

- **TK 532 “ Giảm giá hàng bán ”**: Phản ánh khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn

* **Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo sơ đồ sau đây:**

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

* **Chứng từ sử dụng**

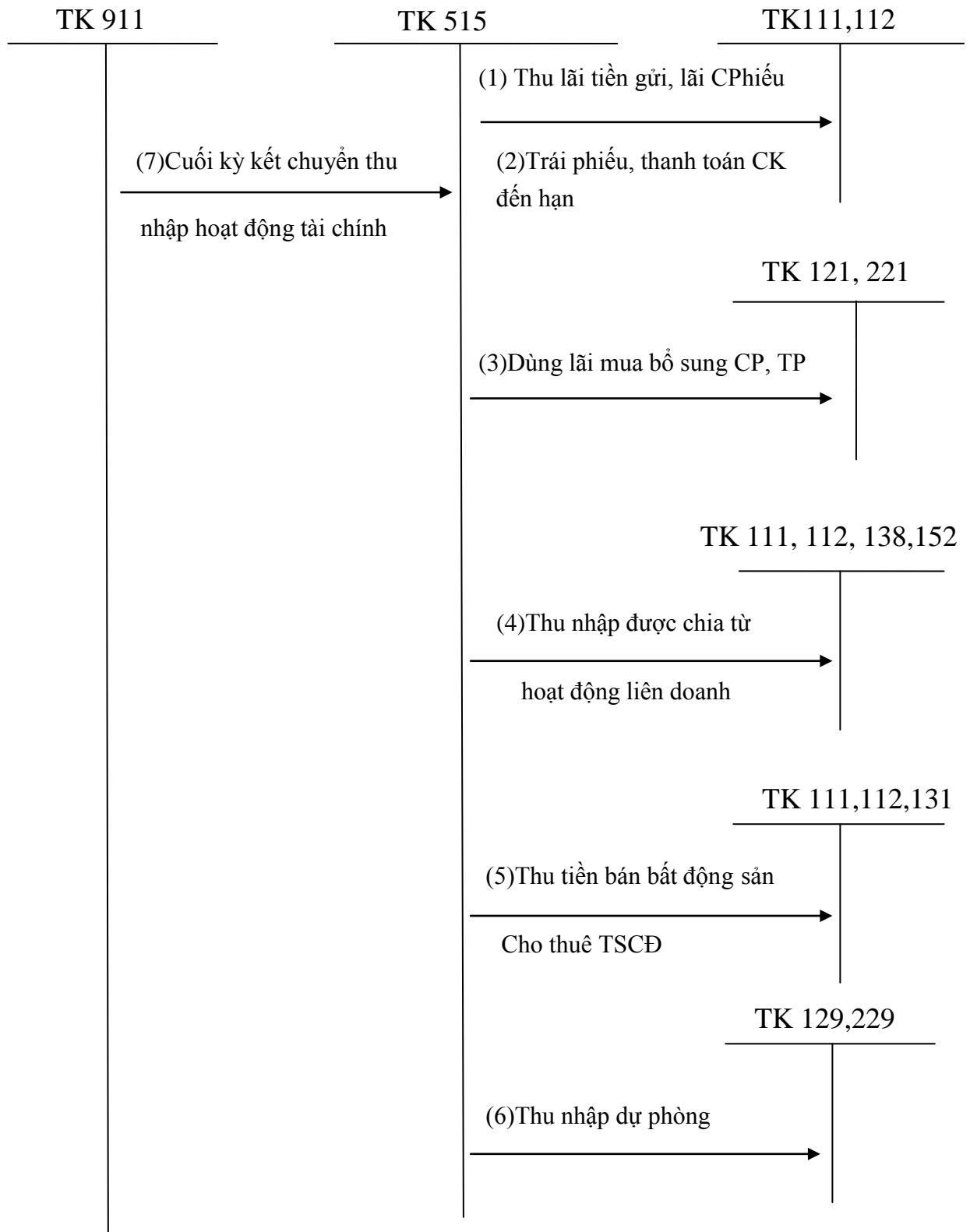
- Giấy báo Có
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

* **Tài khoản sử dụng:**

- **TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính ”**:

* **Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính theo sơ đồ sau đây:**

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác

*** Chứng từ sử dụng**

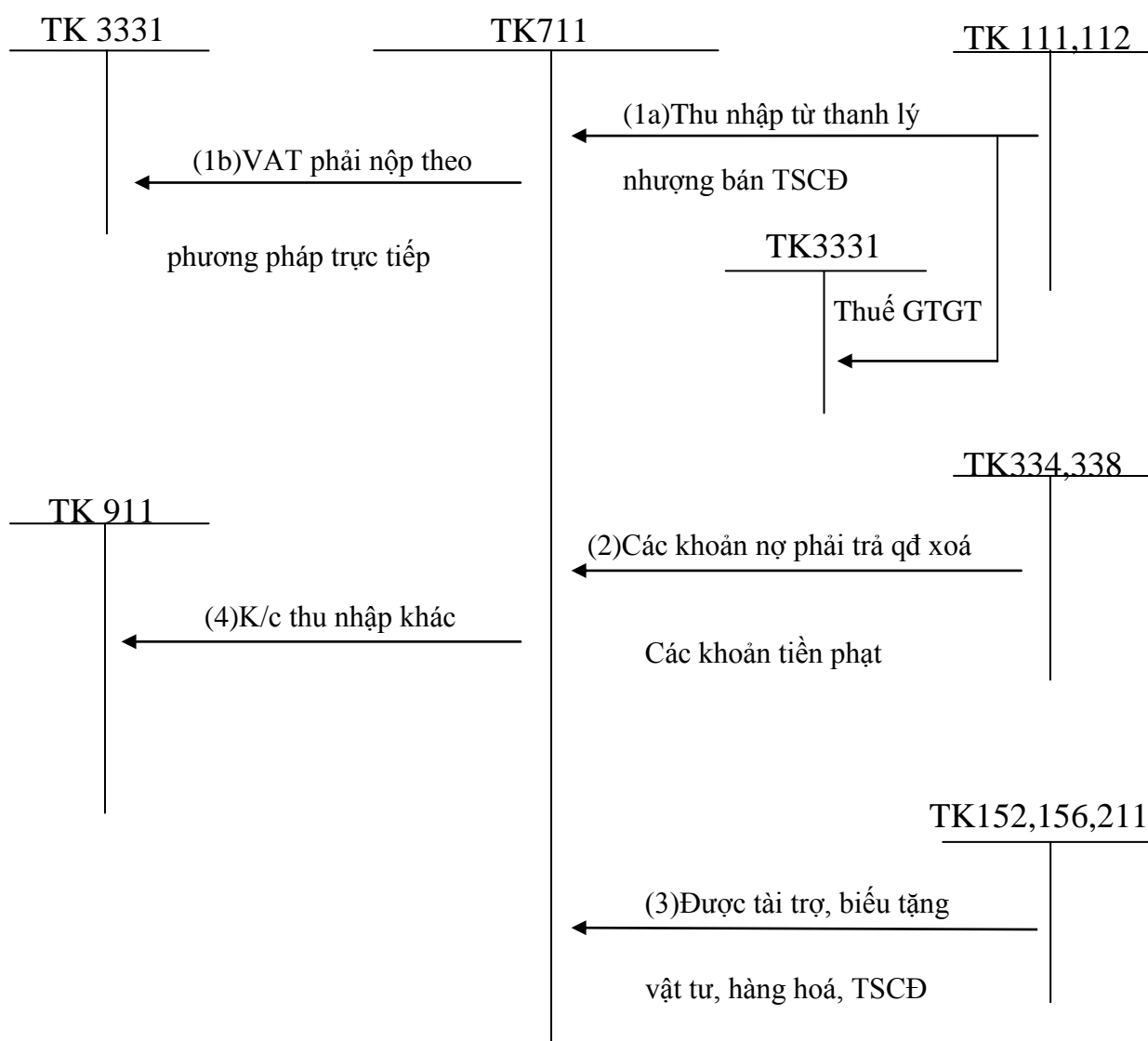
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 711 “Thu nhập khác”:

*** Trình tự kế toán thu nhập khác theo sơ đồ sau đây:**

Sơ đồ 1.6: Trình tự kế toán thu nhập khác



1.3. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Chứng từ sử dụng :**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 631- Giá thành sản xuất, TK 611- Mua hàng (Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước xuất trước:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm

đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

- Phương pháp nhập sau xuất trước:

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước. Hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

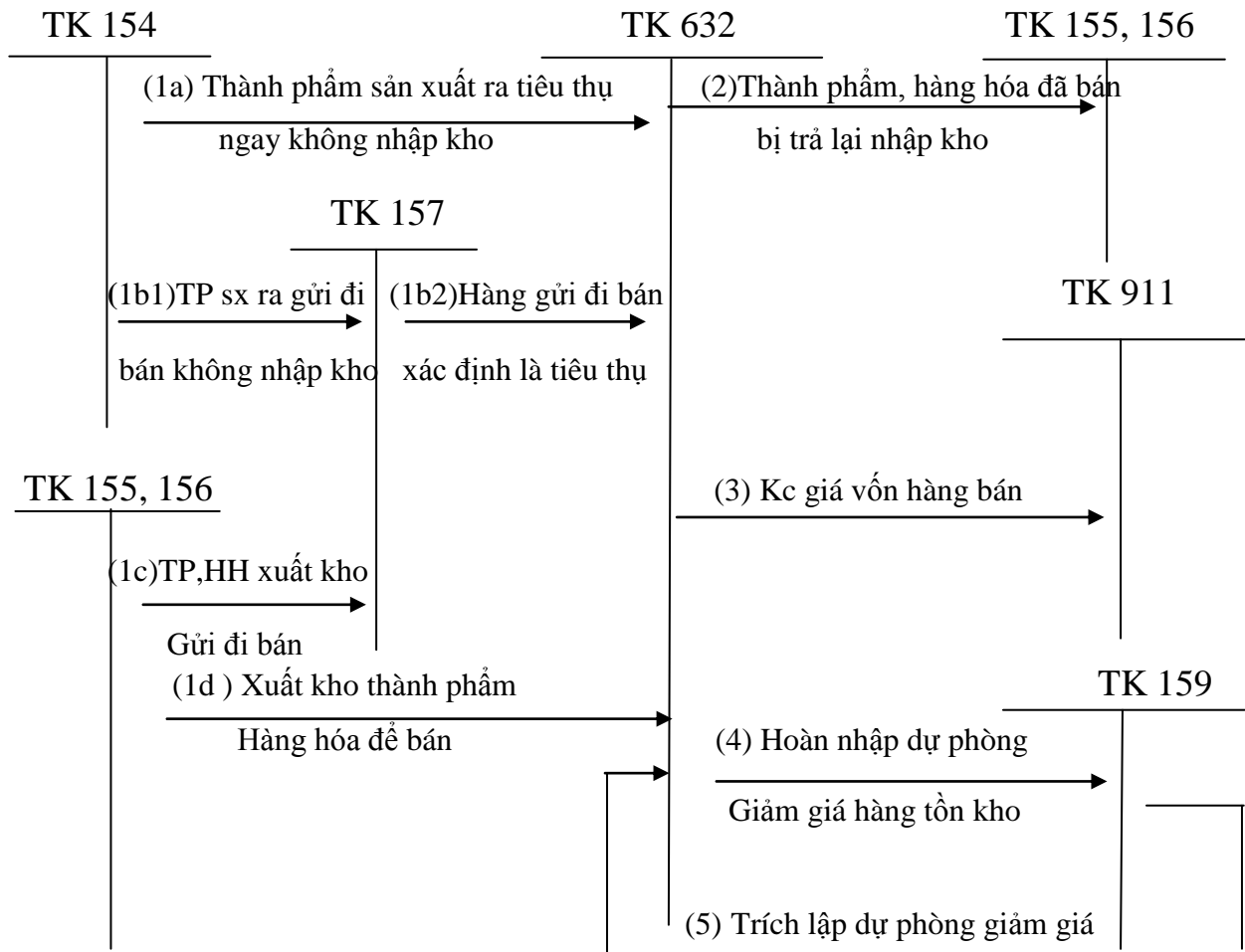
Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

*** *Trình tự kế toán giá vốn hàng bán***

Tùy theo phương pháp kiểm kê hàng tồn kho mà đơn vị áp dụng trình tự kế toán giá vốn hàng bán cũng có sự khác nhau.

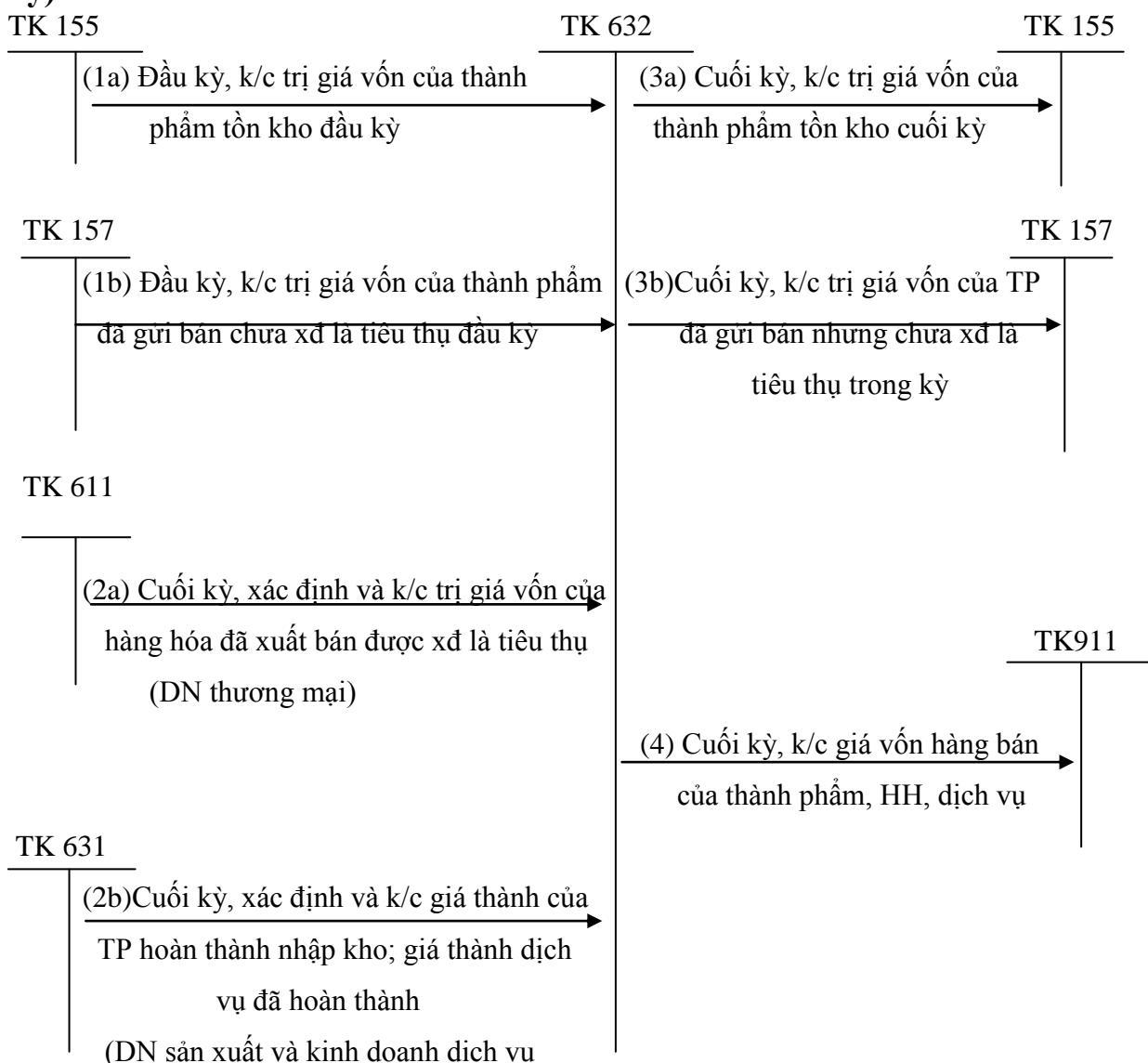
- Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thực hiện như sơ đồ 1.7 sau đây:

Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



- Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thực hiện như sơ đồ 1.8 sau đây:

Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

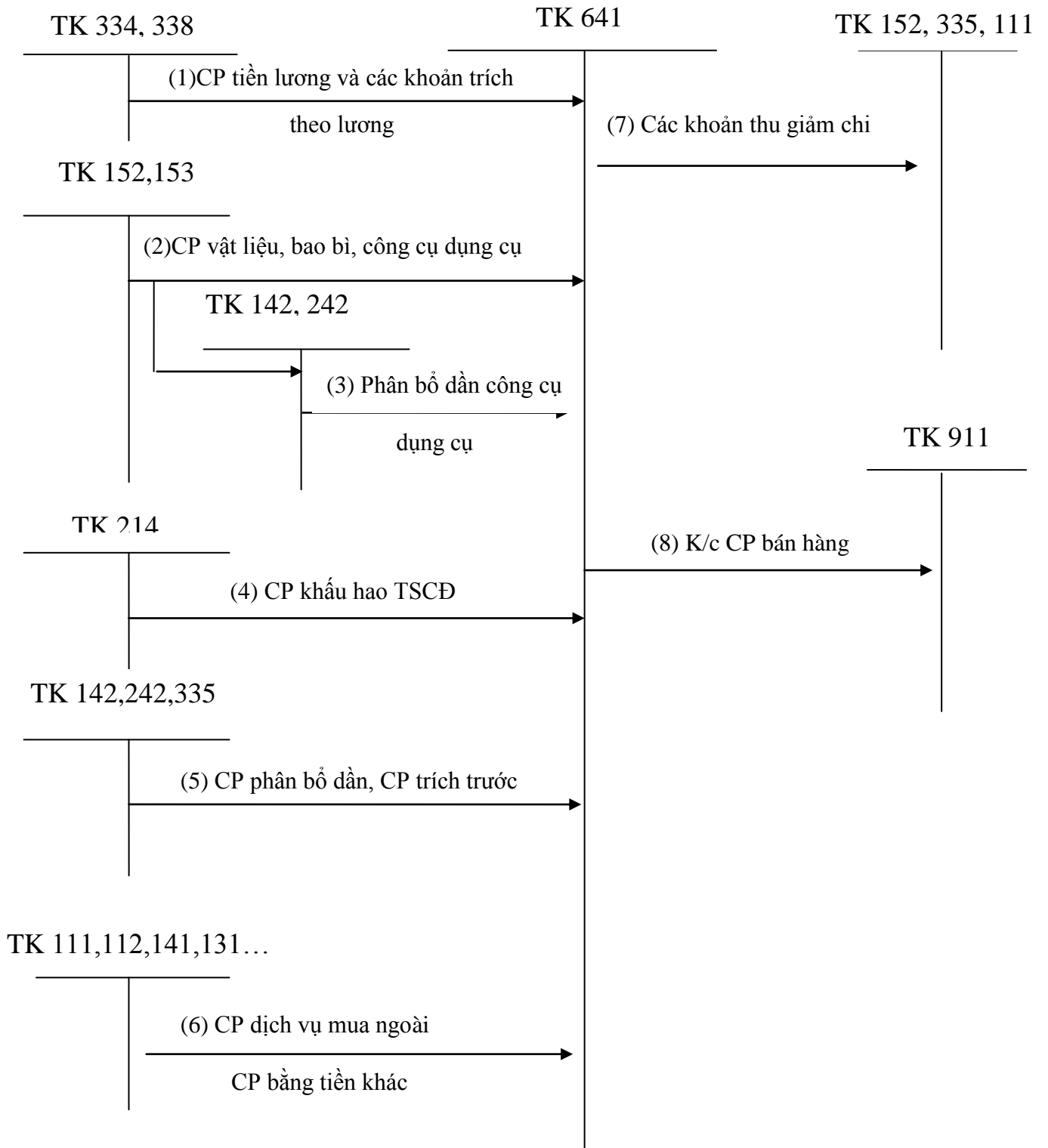
- TK 641 “ Chi phí bán hàng”.

TK 641 có 7 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành sản phẩm
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

*** Trình tự kế toán chi phí bán hàng theo sơ đồ 1.9 sau đây:**

Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán chi phí bán hàng



1.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

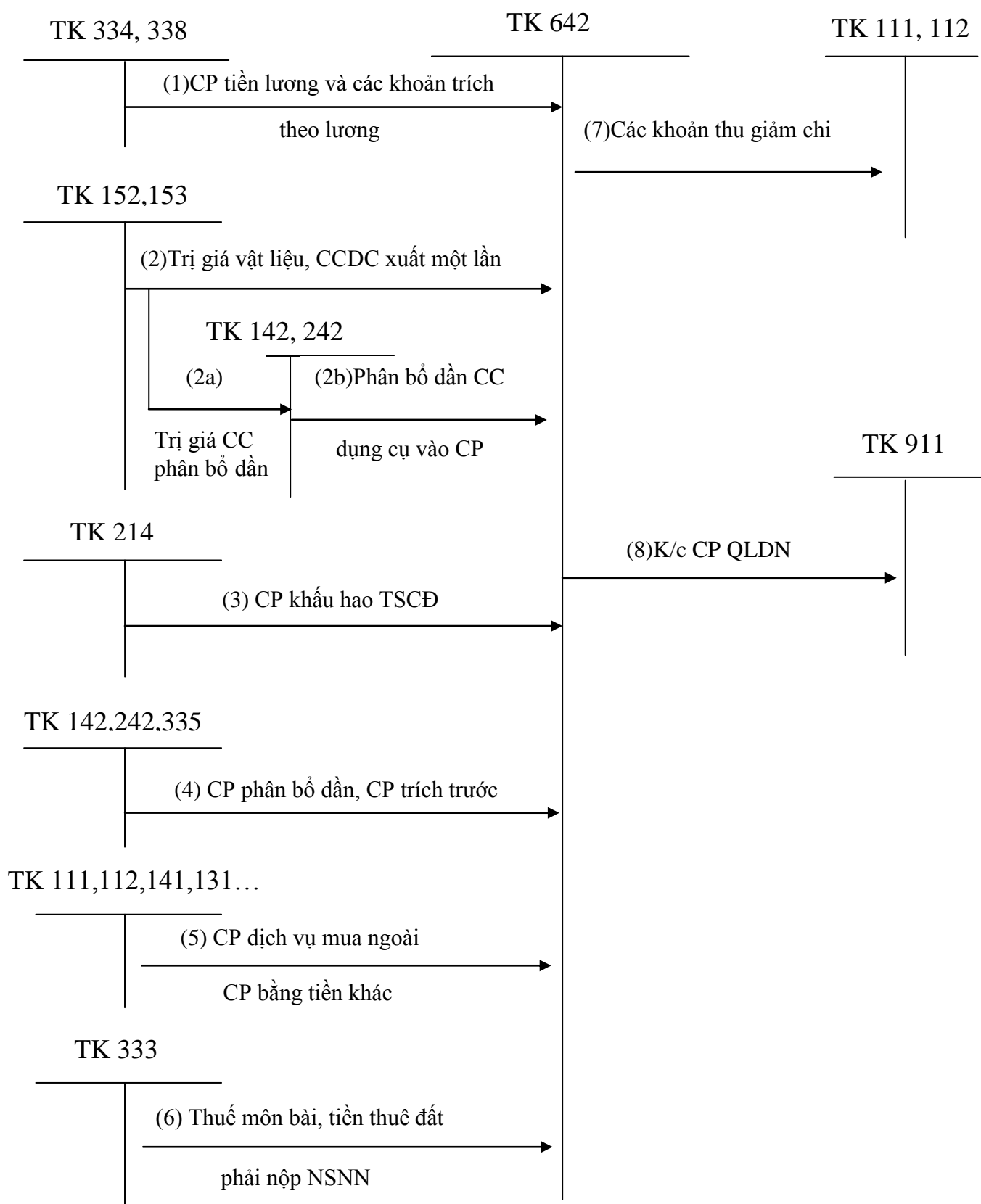
- TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

TK 642 có 8 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

* Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo sơ đồ 1.10 sau đây

Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.4 . Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng**

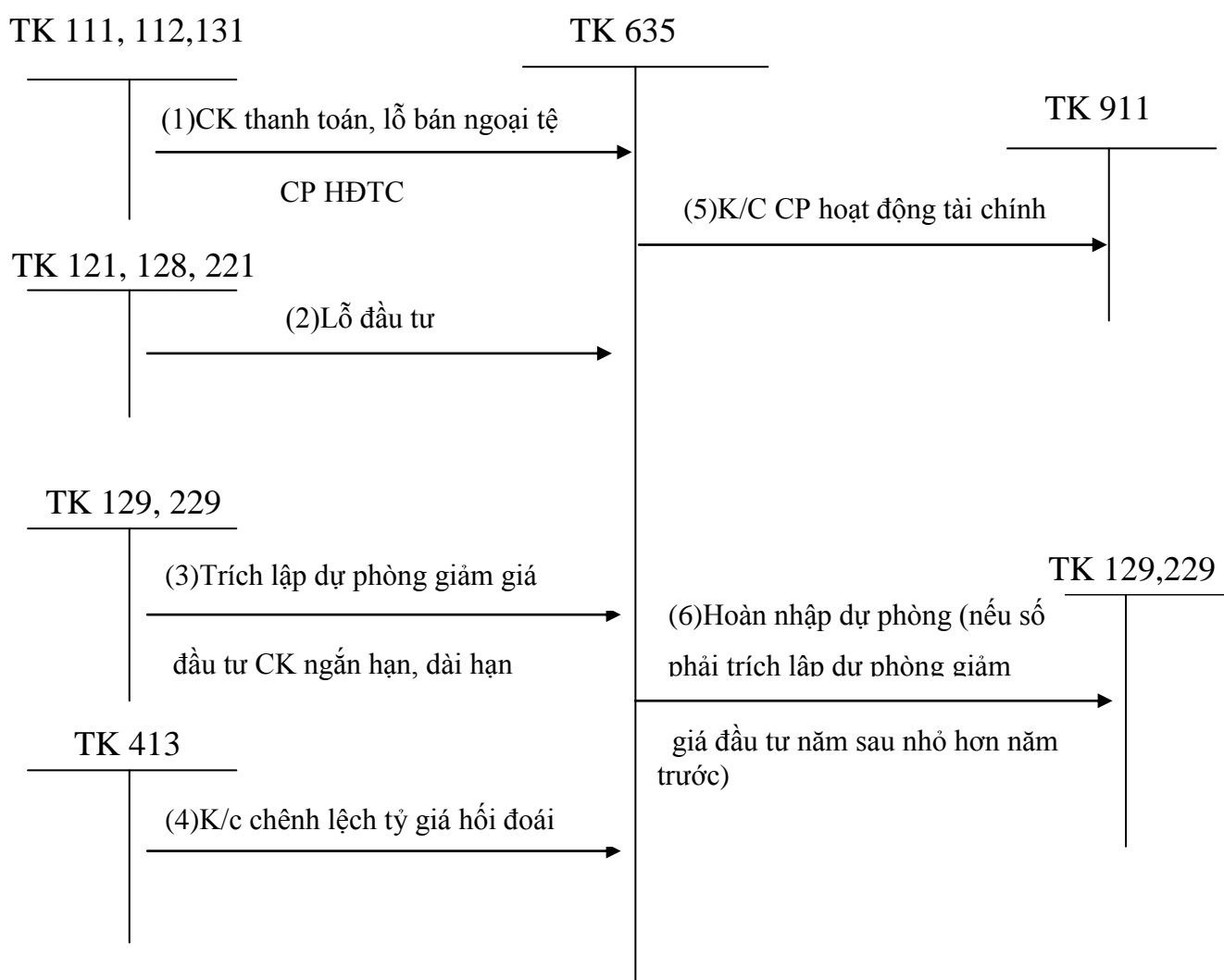
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 635 “ Chi phí tài chính ”

*** Trình tự kế toán chi phí hoạt động tài chính theo sơ đồ 1.11 sau đây:**

Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán chi phí hoạt động tài chính



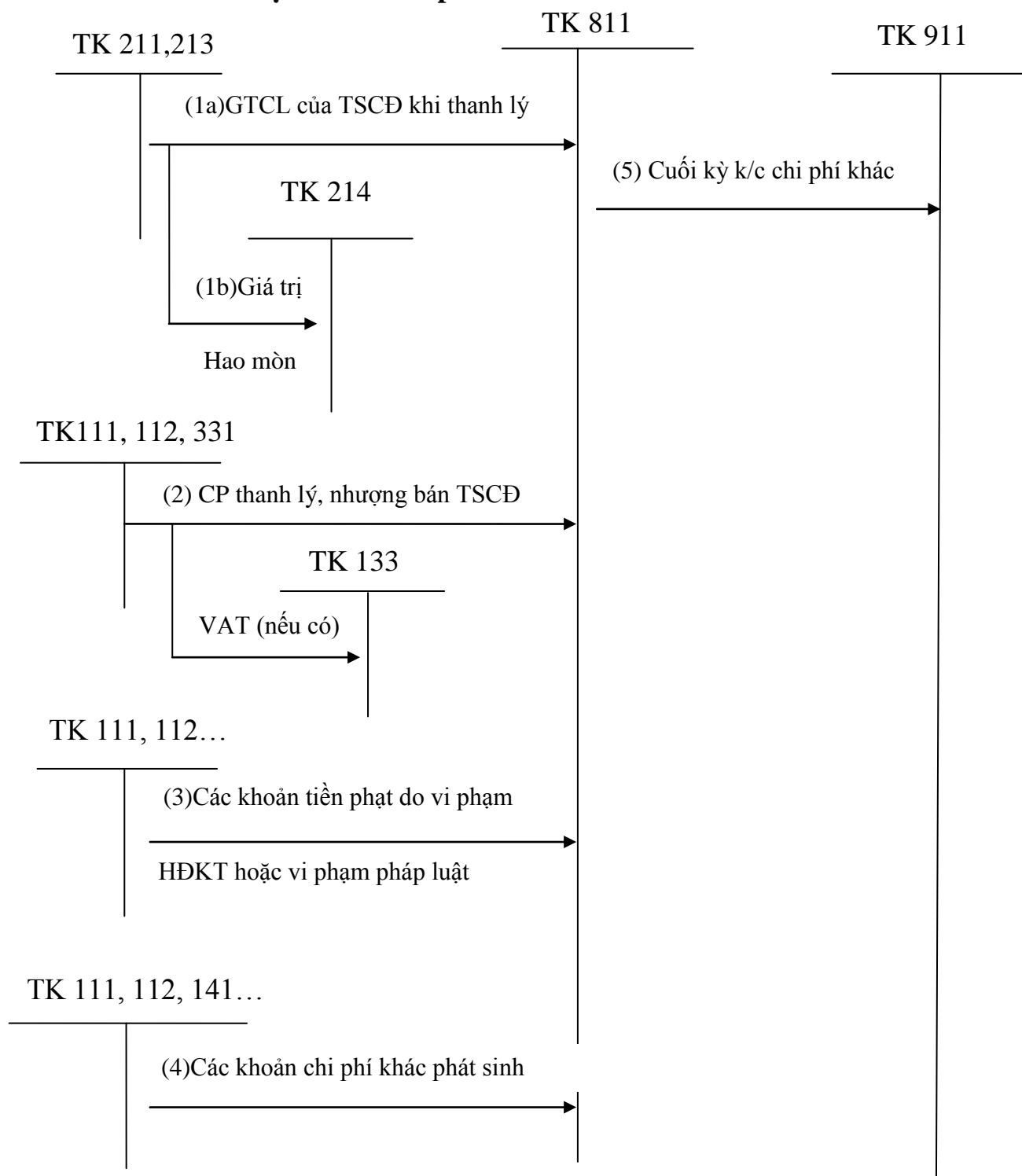
1.3.5. Kế toán chi phí khác

* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, biên bản thanh lý tài sản cố định, các chứng từ khác liên quan...

* **Tài khoản sử dụng:** - TK 811 “ chi phí khác ”

* **Trình tự kế toán chi phí khác theo sơ đồ 1.12 sau đây:**

Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán chi phí khác



1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 17, thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

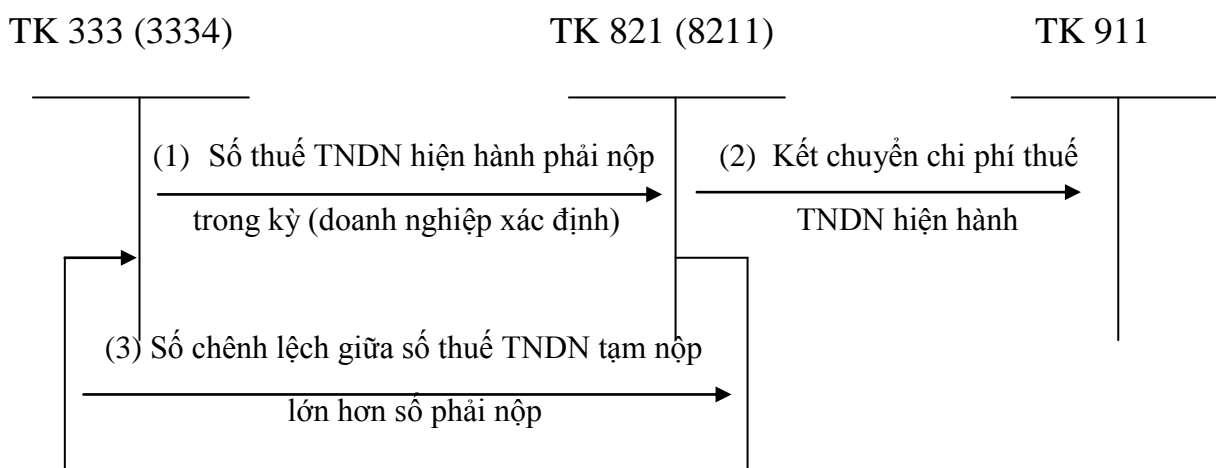
Hàng quý, khi xác định thuế TNDN tạm nộp theo quy định của Luật thuế TNDN. Cuối năm tài chính, căn cứ vào số thuế TNDN thực tế phải nộp để xác định số thuế phải nộp thêm hoặc được giảm.

Kế toán sử dụng tài khoản 821- **“Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”**

Cách tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế TNDN} * 25\% \text{ thuế suất thuế TNDN}$$

Sơ đồ 1.13: Trình tự kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành.



1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 911 : **“Xác định kết quả kinh doanh”**

• **Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Doanh thu thuần về BH&CCDV	=	Doanh thu BH&CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	=	Doanh thu thuần BH&CCDV	-	Giá vốn hàng bán
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính
			-	Chi phí tài chính
			-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
			-	Chi phí bán hàng
Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	+	Lợi nhuận khác
Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN

- TK 421 “ Lợi nhuận chưa phân phối ”

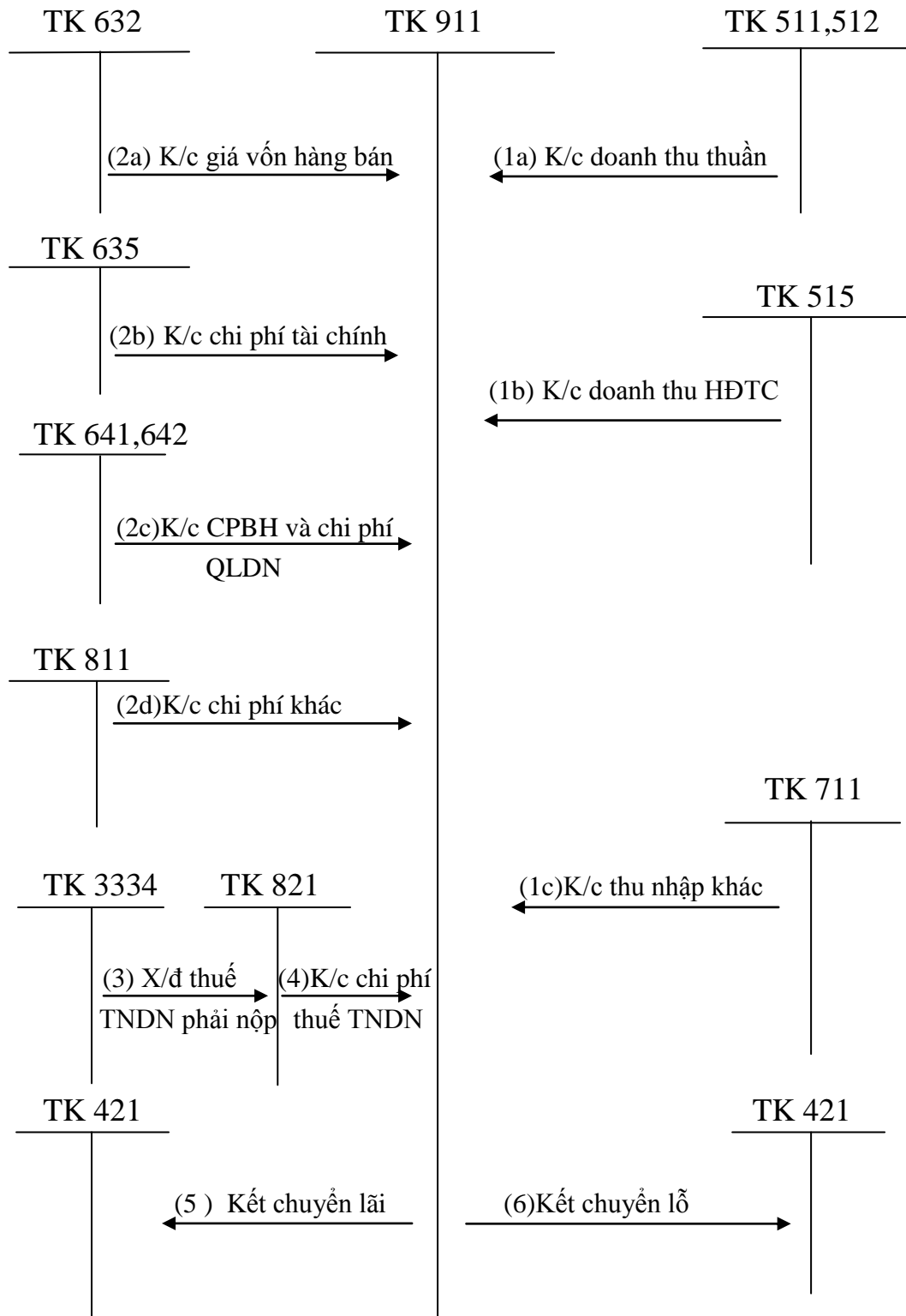
TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” có 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

*** Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh theo sơ đồ 1.14 sau đây:**

Sơ đồ 1.14: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tùy từng hình thức kế toán mà sử dụng hệ thống sổ kế toán khác nhau:

- *Hình thức kế toán nhật ký chung*, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Nhật ký chung
- + Sổ nhật ký đặc biệt: Sổ nhật ký bán hàng
- + Sổ chi tiết thành phẩm, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với

người mua

- + Sổ cái TK 155, TK 156, TK 511, TK 632, TK 641, TK 642, TK 911....

- *Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái*, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

+ Sổ Nhật ký - Sổ cái là sổ kế toán tổng hợp duy nhất dùng để phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian và hệ thống hóa theo nội dung kinh tế

- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- *Hình thức chứng từ ghi sổ*, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái TK 155, TK 156, TK 157, TK 632, TK 641, TK 642, TK 911,..

- *Hình thức Nhật ký - Chứng từ*, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ kế toán sau:

- + Bảng kê số 8: Bảng kê nhập xuất tồn hàng hóa thành phẩm
- + Bảng kê số 10: Hàng gửi bán
- + Bảng kê số 11: Phải thu khách hàng
- + Bảng kê số 5: Tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Các sổ chi tiết tiêu thụ, theo dõi công nợ, sổ chi tiết 911
- + Nhật ký chứng từ số 8: Ghi có các TK 155, 156, 157, 131, 511, 632,....

Chương 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ Phần Khánh Hội**

Công ty cổ phần Khánh Hội là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp tư nhân thành Công ty Cổ phần .

- Trụ sở chính: Số nhà 31/286 đường Điện Biên Phủ - Phường Bình Hàn – TP Hải Dương

- Điện thoại: 0320 3852 110

- Số đăng ký tài khoản: 4211 1100 000036 tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Hải Dương

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: 0800303691, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 10 tháng 02 năm 2009

Công ty cổ phần Khánh Hội được thành lập và hoạt động theo luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/6/1999 (Luật số 13/1999/QĐ10)

Công ty cổ phần Khánh Hội, tiền thân là Hợp tác xã Kết cấu thép Khánh Hội, do biến động của thị trường và xu thế phát triển chung của nền kinh tế, năm 2001 Hợp tác xã tiến hành chuyển đổi thành Doanh nghiệp Tư nhân Khánh Hội.

Đến năm 2006, nhận thấy mô hình của Doanh nghiệp Tư nhân không còn phù hợp với nền kinh tế nói chung và khả năng phát triển sản xuất của Doanh nghiệp nói riêng, Doanh nghiệp Tư nhân Khánh Hội được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Khánh Hội.

Trong những năm qua, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phần đầu đạt được thành tích xuất sắc trong nhiều lĩnh vực, với phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, Công ty đã giành được sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt, công ty đã có sự đầu tư về chiều sâu, mua sắm các trang thiết bị

hiện đại, tiên tiến, đáp ứng được năng suất, chất lượng sản phẩm cũng như tiết kiệm đáng kể nhân công lao động. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt từ 30 - 40%.

Với tình hình sản xuất kinh doanh có sự tăng trưởng khá, Công ty cổ phần Khánh Hội đang dần chứng tỏ sự vững mạnh trên con đường hội nhập và phát triển.

- Trụ sở giao dịch.
- Địa chỉ: Khu II - Phường Cẩm Thượng - TP Hải Dương
- Điện thoại: 03203 852 987 Fax: 03203 852 987
- Di động: 0913 255 055
- Email: congtycpkhanhhoi@yahoo.com
- Tài khoản: 4211 1100 000036
- Người đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Hội

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công ty cổ phần Khánh Hội là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên đổi từ các mô hình công ty cũ kém hiệu quả. Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

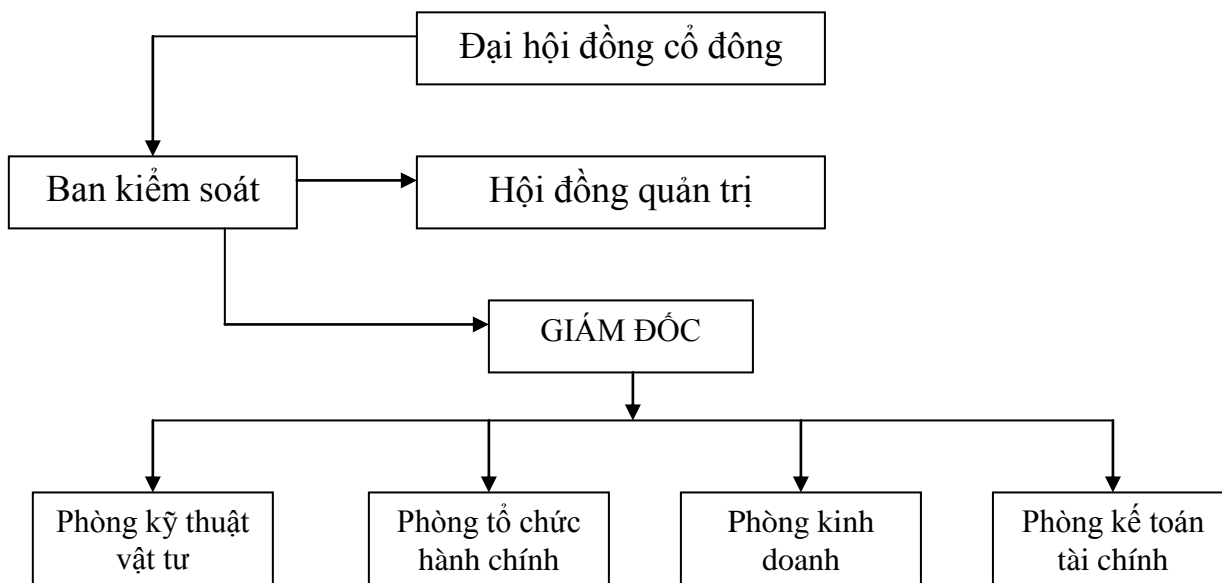
Công ty quy tụ được đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề nhiều năm quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện các khâu quản lý, sản xuất sản phẩm, với các trang thiết bị máy móc chuyên dùng hiện đại, Công ty cổ phần Khánh Hội hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp, sản phẩm bảo vệ môi trường và đồ chơi bằng nhựa Composite,
- Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, vận tải hàng hoá, hành khách bằng ô tô, lắp ráp xe đạp, xe máy chạy điện
- Sản xuất và mua bán sản phẩm cơ khí, bàn ghế, đồ dùng dạy học.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Khánh Hội

* Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thực hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Ghi chú:

→ Chịu sự quản lý trực tiếp

— Các bên có liên quan

* Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

Đại hội cổ đông : Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của công ty. Đại hội cổ đông quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ công ty quy định. Đặc biệt, đại hội cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, sẽ bầu hoặc bãi nhiệm hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty.

Hội đồng quản trị : Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan đại diện cho đại hội cổ đông thực hiện giữa hai kỳ đại hội. Hội đồng quản trị gồm 05 người, trong đó 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 uỷ viên Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát : Là Cơ quan giám sát của của Đại hội cổ đông, do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có quyền thanh tra và giám sát tất cả các hoạt động của công ty.

Giám đốc: phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc quản lý và điều hành công ty.

Phòng kỹ thuật vật tư :

Là phòng nghiệp vụ, tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty về công tác kỹ thuật, quy trình sản xuất, công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, công tác an toàn lao động, công tác vật tư, quản lý xe máy và thiết bị thi công. Nhiệm vụ cụ thể: lập phương án tổ chức thi công cho các công trình, khi phương án được duyệt thì hướng dẫn cho các bộ phận thi công thực hiện; thường xuyên kiểm tra theo dõi điều chỉnh các biện pháp thi công cho phù hợp với điều kiện thực tế để bộ phận thi công hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sản phẩm; xây dựng các quy trình kỹ thuật và hướng dẫn giám sát việc thực hiện các quy trình quy phạm kỹ thuật đối với các phân xưởng sản xuất .

Phòng tổ chức hành chính: Tổ chức quản lý nhân sự toàn công ty xây dựng các công trình thi đua, khen thưởng và đề bạt khen thưởng thay đổi nhân sự ở các bộ phận phòng ban; xây dựng bảng chấm công và phương pháp trả lương, tổ chức đào tạo, huấn luyện tuyển chọn nhân sự toàn công ty; xây dựng các bảng nội qui, đề ra các chính sách về nhân sự.

Phòng kinh doanh: Tham mưu cho giám đốc xây dựng chiến lược kinh doanh, các chương trình phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; xây dựng và tổng hợp các kế hoạch hàng tháng, giúp các đơn vị cơ sở trong việc triển khai, quyết toán và phân tích các hoạt động kinh doanh; dự toán, soạn thảo văn bản, hợp đồng và được sự uỷ nhiệm của ban giám đốc ký kết một số hợp đồng kinh tế đồng thời chịu trách nhiệm thanh lý, quyết toán hợp đồng; quản lý vật tư, cung ứng và đề nghị duyệt cấp vật tư; tư vấn pháp lý, pháp chế quản lý kinh tế cho lãnh đạo công ty.

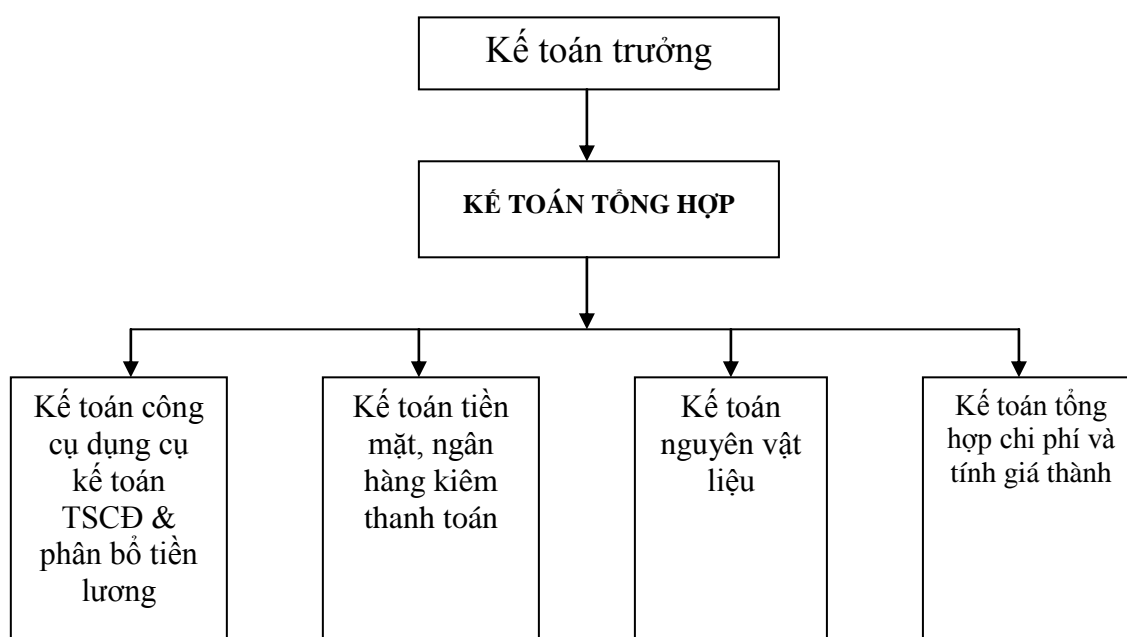
Phòng kế toán tài chính: Thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo pháp chế thống kê kế toán của nhà nước; theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính tháng, quý, năm; xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch vay vốn, thay mặt giám đốc giám định với ngân hàng về mặt tài chính; xây dựng và tổ chức bộ máy kế toán cũng như kế hoạch báo cáo định kỳ.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Khánh Hội

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức **kế toán tập trung**.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty



*** Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng kế toán:**

- *Kế toán trưởng:* là trưởng phòng kế toán có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cho Giám đốc, tổ chức lãnh đạo chung cho toàn phòng, làm công tác đối nội, đối ngoại, ký kết hợp đồng kinh tế.

- *Kế toán tổng hợp:* là phó phòng kế toán, là người trực tiếp giúp việc cho kế toán trưởng khi kế toán trưởng đi vắng, ngoài ra còn làm công việc kế toán tổng hợp.

- *Kế toán tiền mặt, ngân hàng kiêm kế toán thanh toán*: Viết phiếu thu, phiếu chi, phát hành Séc, có quan hệ giao dịch theo dõi các khoản công nợ với khách hàng và các nhà cung cấp.

- *Kế toán nguyên vật liệu*: theo dõi việc mua, bán và xuất vật liệu.

- *Kế toán tổng hợp chi phí và tính toán giá thành sản phẩm* có nhiệm vụ tập hợp chi phí phát sinh và tính giá thành sản phẩm, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho thành phẩm, doanh thu bán hàng.

- *Kế toán công cụ dụng cụ kiêm kế toán TSCĐ và phân bổ lương*: theo dõi việc mua, bán, xuất sử dụng công cụ dụng cụ, căn cứ vào sổ lương và các báo cáo sản phẩm nhập kho do phòng tổ chức lao động tiền lương chuyển đến tiến hành phân bổ, theo dõi biên động về TSCĐ.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Công ty Cổ Phần Khánh Hội áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ tài chính về “Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa”

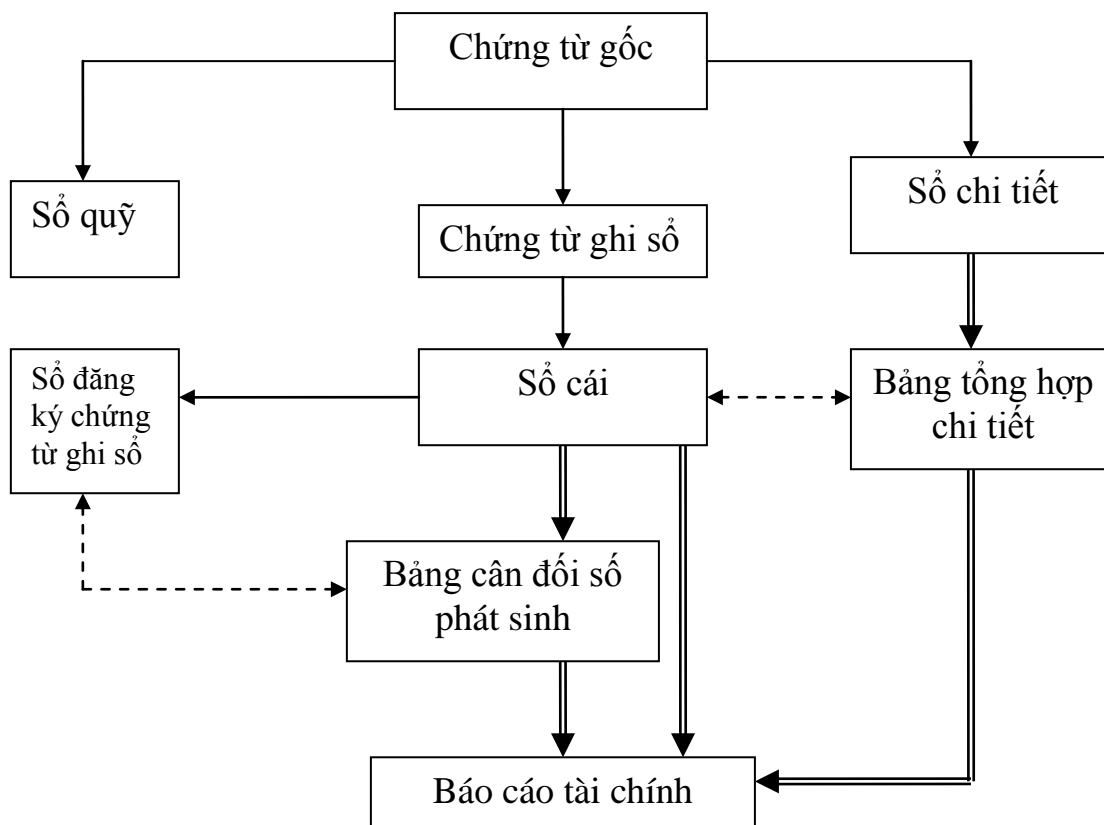
** Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:*

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều
- Tính giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính

** Hiện tại công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ*

Trình tự ghi sổ được khái quát theo sơ đồ 2.3 sau đây:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi theo tháng: =========>

Đối chiếu: <----->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ và sổ chi tiết liên quan. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ, kế toán sẽ tiến hành ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký CTGS, tính ra tổng số PS nợ, tổng số PS có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Cuối năm, căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty được lập theo quy định hiện hành(QĐ 48- /2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

+ Bảng cân đối kế toán.(Mẫu số B01-DNN)

+ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.(Mẫu B02-DNN)

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.(Mẫu B03-DNN)

+ Thuyết minh báo cáo tài chính.(Mẫu B09-DNN)

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI

2.2.1. Kế toán doanh thu

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các loại sản phẩm, dịch vụ chính của công ty là:

- Sản phẩm bảo vệ môi trường: Thùng rác...
- Sản xuất đồ chơi trẻ em bằng nhựa Composite, bàn ghế đồ dùng dạy học
- Sản xuất lắp giáp kết cấu thép, lắp ráp xe đạp, xe máy chạy điện....

* Phương thức bán hàng:

Bán lẻ tại kho là phương thức bán chính của công ty.

Khách hàng chủ yếu của công ty là những tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan hành chính sự nghiệp.

* Phương thức thanh toán

Công ty áp dụng phương pháp thanh toán:

- + Phương thức thanh toán trực tiếp : Khách hàng thanh toán ngay tiền hàng bằng tiền mặt, chuyển khoản.
- + Phương thức thanh toán chậm trả (bán chịu).

* Chứng từ sử dụng

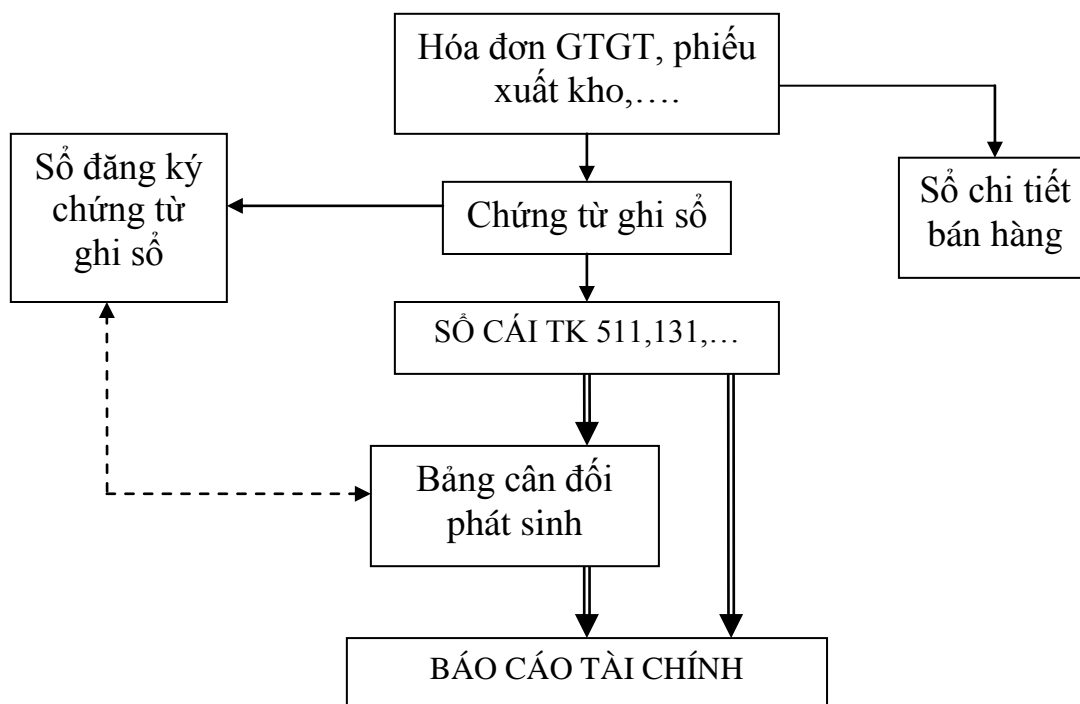
- + Hoá đơn GTGT(Mẫu số: 01 GTKT- 3LL)
- + Phiếu thu, phiếu xuất kho
- + Giấy báo có ngân hàng và chứng từ khác liên quan

* Tài khoản sử dụng

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Và các tài khoản liên quan: TK 111, 131, 3331, ...

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi theo tháng: = = = = =>

Đối chiếu: <----->

Ví dụ về nghiệp vụ bán hàng theo phương thức thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Ví dụ 2.1:

Ngày 24/12/2010 Công ty xuất bán cho XN thủ công mỹ nghệ Vân Anh 3 xe điện đơn giá 10.000.000đồng/1cái, (giá chưa thuế VAT) đã thu hết tiền hàng bằng tiền mặt. Cuối ngày tập hợp những chứng từ kế toán cùng loại, kế toán dùng để ghi sổ. Căn cứ vào hoá đơn GTGT liên 3, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng và chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ và sổ cái tài khoản 511 và các TK liên quan khác

Biểu mẫu 2.1: Trích hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Nội bộ) Ngày 03 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT-3LL GG/2010B 0016476		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Khánh Hội..... Địa chỉ: Khu 2 - Cẩm Thượng - Tp Hải Dương..... Số tài khoản: Điện thoại:.....MS:.....MST:0800303691					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tùng Tên đơn vị: Xí nghiệp thủ công mỹ nghệ Vân Anh Địa chỉ: Trần Hưng Đạo- Hải Dương..... Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM.....MS.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Xe điện	Cái	03	10.000.000	30.000.000
Cộng tiền hàng:					30.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					33.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu mẫu 2.2: Phiếu thu

Đơn vị: C.ty CP Khánh Hội
 Bộ phận:
 Mã đơn vị SDNS:

PHIẾU THU
 Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Quyển số:
 Số: 788
 NỘI: 111
 CỐ: 511

Mẫu số 01-TT
 Theo QĐ: 48/2006/QĐ-
 BTC
 Ngày 14 tháng 09 năm
 2006 của Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Hằng CỐ: 3331

Địa chỉ: Xí nghiệp thủ công mỹ nghệ Vân Anh

Lý do nộp: Trả tiền hàng

Số tiền: 33.000.000 (Viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu đồng chẵn.....

Kèm theo: 01 chứng từ kế toán.....

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nộp (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu mẫu 2.3: Phiếu xuất kho

Đơn vị: **Công ty CP Khánh Hội**
 Địa chỉ: **Khu 2- Cẩm Thượng- HD**

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 02-VT
 QĐ số: 48 /2006/QĐ-
 BTC ngày 14/9/2006
 của
 Bộ trưởng BTC
 Nợ: TK 632 Số: 19
 Có: TK 155

Họ tên người nhận hàng: Trần Văn Tùng- Xí nghiệp thủ công mỹ nghệ Vân Anh

Lý do xuất kho: xuất bán

Xuất tại kho: xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xe điện	XĐ	Cái	03	03	9.250.000	27.750.000
	Cộng						27.750.000

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
 (ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (ký, họ tên)

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.4 Sổ chi tiết bán hàng (Trích tháng 12 năm 2010)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Khánh Hội

Địa chỉ: Khu 2- Cẩm Thượng-Hải Dương

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm ,hàng hoá, dịch vụ.: xe điện

Năm: 2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
		 Tháng 12/ 2010						
01/12	16472	01/12	Bán hàng cho BV đa khoa HD	131	3	10.000.000	30.000.000		
03/12	16476	03/12	Bán cho XN thủ công mỹ nghệ Vân Anh	111	3	10.000.000	30.000.000		
06/12	16477	06/12	Bán cho DN Lan Phương	112	1	10.500.000	10.500.000		
08/12	16486	08/12	Bán cho DNTN Hưng Thịnh	112	2	10.000.000	20.000.000		
		 Cộng số phát sinh tháng 12				120.000.000		
			Lũy kế từ đầu năm				850.000.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.5: Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 178

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán xe điện cho XN thủ công mỹ nghệ Vân Anh	111	511	30.000.000	
	111	3331	3.000.000	
Cộng			33.000.000	

Kèm theo 2 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 03 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.6: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
T1/2010		
1	03/01/2010	97.500.652
2	03/01/2010	16.460.125
.....
Cộng T 1	2.689.842.675
.....
T12/2010		
.....
178	03/12/2010	33.000.000
179	03/12/2010	27.750.000
.....
182	05/12/2010	32.340.000
183	05/12/2010	27.645.000
.....
193	11/12/2010	946.495
.....
220	27/12/2010	562.100.000
221	27/12/2010	300.000.000
.....
228	30/12/2010	4.082.100
.....
231	31/12/2010	915.107
.....
234	31/12/2010	15.317.416.313
235	31/12/2010	15.317.416.313
Cộng T12		32.450.164.876
Tổng cộng		114.378.496.492

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.7: Trích sổ cái TK 511

Công ty CP Khánh Hội
Khu 2- Cẩm Thượng- HD

Mẫu số S02c1- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2010

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
			Số phát sinh tháng 12			
01/12	172	01/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		55.300.000
02/12	175	02/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		15.880.000
03/12	178	03/12	Bán hàng đã thu bằng tiền mặt	111		30.000.000
05/12	182	05/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		29.400.000
06/12	186	06/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		24.650.000
					
31/12	234	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	15.317.416.313	
			Cộng số phát sinh		15.317.416.313	15.317.416.313
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trong trường hợp công ty bán chịu thành phẩm cho khách hàng

Ví dụ 1.2: Ngày 05/12/2010 bán cho cty may Richway thùng đựng rác, số lượng 3 thùng, đơn giá 9.800.000đ/1 thùng chưa bao gồm thuế GTGT 10 %, DN chưa thanh toán tiền hàng cho công ty.

Kế toán căn cứ vào hóa đơn bán hàng để viết phiếu xuất kho, sau đó kế toán lập CTGS số 182, căn cứ vào CTGS để ghi vào sổ đăng ký CTGS, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK 511 theo biểu mẫu 2.7 và ghi vào sổ cái Tk liên quan

Biểu mẫu 2.8: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Nội bộ) Ngày 05 tháng 12 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT-3LL GG/2010B 0016477		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Khánh Hội.....					
Địa chỉ: Khu 2 - Cẩm Thượng - Tp Hải Dương.....					
Số tài khoản:					
Điện thoại:.....MS:.....MST: 0800303691					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty may Richway					
Địa chỉ: Xã Ngọc Sơn- Tứ Kỳ- Hải Dương.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Bán chịu MS.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Thùng đựng rác	Thùng	03	9.800.000	29.400.000
Cộng tiền hàng					29.400.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		2.940.000
Tổng cộng tiền thanh toán					32.340.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn.					
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu mẫu 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị: **Công ty CP Khánh Hội**
 Địa chỉ: **Khu 2- Cẩm Thượng- HD**

PHIẾU XUẤT KHO
 Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 02-VT
 QĐ số: 48 /2006/QĐ-
 BTC ngày 14/9/2006
 của
 Bộ trưởng BTC
 Nợ: TK 632 Số: 20
 Có: TK 155

Họ tên người nhận hàng: Công ty may Richway

Lý do xuất kho: xuất bán

Xuất tại kho: xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thùng đựng rác	TR	Thùng	03	03	9.215.000	27.645.000
	Cộng						27.645.000

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi năm ngàn đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
 (ký, họ tên)

Người nhận hàng
 (ký, họ tên)

Thủ kho
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.10: Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 182

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán thùng rác cho cty	131	511	29.400.000	
Richway chưa thu tiền	131	3331	2.940.000	
Cộng			32.340.000	

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 05 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Hiện nay công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu, do: Công ty không có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá cho khách hàng, sản phẩm của công ty không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, sản phẩm của công ty chỉ được tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu. Công ty thực hiện chính sách bán hàng trực tiếp tại kho, trường hợp đổi hàng thì sẽ có nhân viên của bên nhận đổi hàng nhận hàng tại kho của doanh nghiệp nên công ty không có hàng bán bị trả lại

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

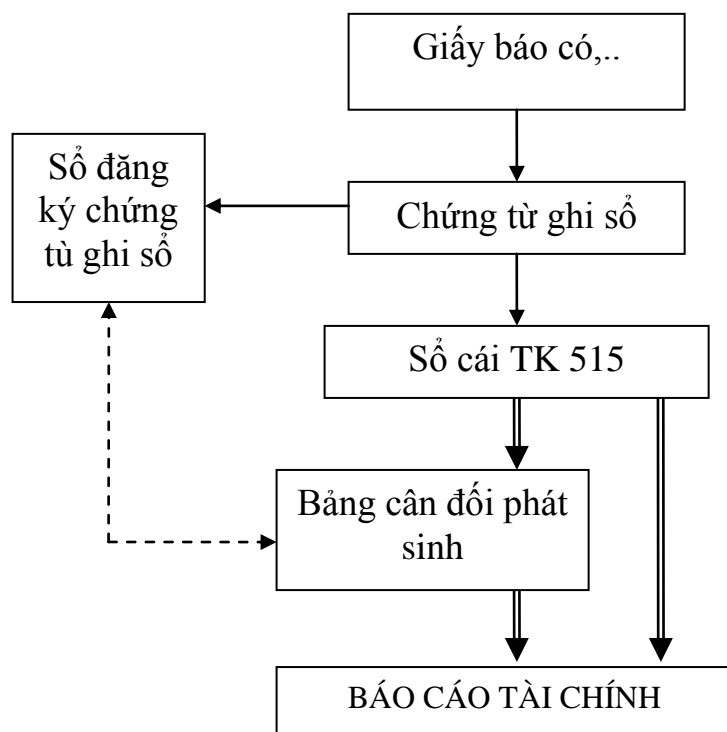
Thu nhập hoạt động tài chính là lãi tiền gửi tại ngân hàng của công ty

* **Tài khoản sử dụng** : TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

* **Chứng từ sử dụng** :

- + Giấy báo có
- + Các chứng từ có liên quan hoặc thông báo của ngân hàng.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \Longrightarrow
- Đối chiếu : \longleftrightarrow

Ví dụ 2.2: Ngày 31/12/2010 Công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng MHB về khoản tiền lãi mà công ty được hưởng số tiền là 915.107đ. Số tiền lãi trên được chuyển nhập vào số tiền trong tài khoản của công ty tại ngân hàng

Biểu mẫu 2.11: Giấy báo có

Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng sông Cửu Long
Chi nhánh Hải Dương

Mã GDV:
Mã KH:
Số GD:

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2010

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Khánh Hội

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 54111 4545458

Từ ngày	Đến ngày		Tiền lãi
01/12/2010	31/12/2010		915.107
Tổng cộng			915.107
Nội dung : ## LÃI NHẬP GỐC ##			
Giao dịch viên		Kiểm soát viên	

Biểu mẫu 2.12: Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 231

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền lãi ngân hàng MHB	112	515	915.107	
Cộng			915.107	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi ghi chứng từ ghi sổ, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như biểu mẫu 2.6 (trang 46), đồng thời được dùng để ghi vào sổ cái TK 515

Biểu mẫu 2.13 : Trích sổ cái TK 515

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	231	31/12	Tiền lãi gửi ngân hàng tháng 12/2010	112		915.107
31/12	234	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	8.405.269	
			Tổng số phát sinh		8.405.269	8.405.269
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Nội dung thu nhập khác của công ty

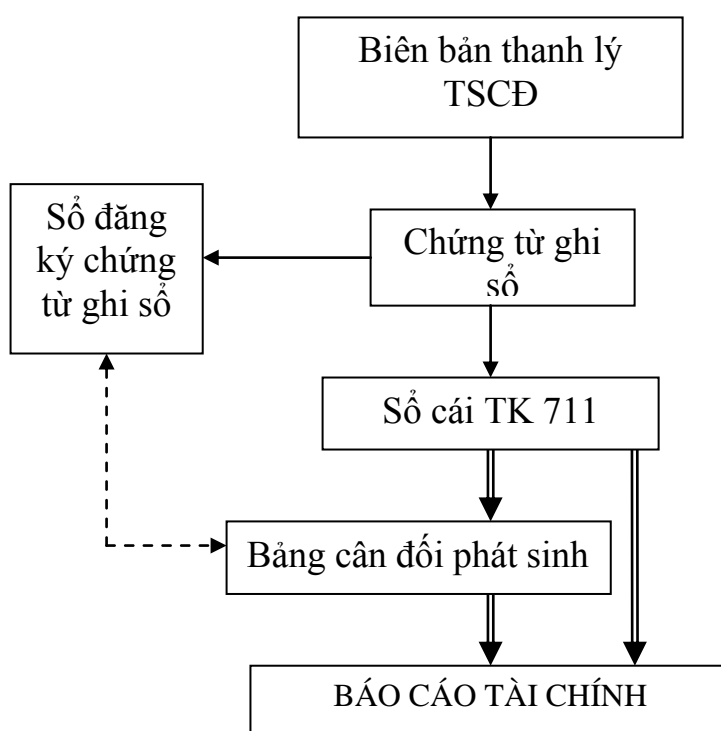
- Thu từ thanh lý tài sản cố định

* **Tài khoản sử dụng:** TK 711

* **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Bảng khấu hao TSCĐ
- Phiếu thu, giấy báo có và chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 2.6 : Trình tự hạch toán thu nhập khác



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \Longrightarrow
- Đối chiếu : \longleftrightarrow

Trong năm 2010 công ty chỉ phát sinh một nghiệp vụ khoản thu nhập khác

Ví dụ 2.3:

Ngày 27/12/2010 công ty nhượng bán 1 ô tô Civic cho công ty TNHH Tiến Đạt nguyên giá 562.100.000, đã hao mòn 136.933.805, giá bán chưa thuế GTGT là: 272.727.273, thuế VAT 10% đã thu bằng chuyển khoản.

Biểu mẫu 2.14: Biên bản thanh lý tài sản cố định

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội

Mẫu số 02-TSCĐ

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Căn cứ Quyết định số 25 ngày 27 tháng 12 năm 2010 của giám đốc công ty CP Khánh Hội về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/bà: Nguyễn Hữu Hội. Chức vụĐại diện...Trưởng ban
- Ông/bà: Lê Thị Hà. Chức vụ..... Đại diện...Ủy viên
- Ông/bà: Nguyễn Thị Mây Chức vụ.....Đại diện....Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký hiệu quy cách TSCĐ: ô tô Civic
- Số hiệu TSCĐ.....
- Nước sản xuất: Nhật Bản
- Năm sản xuất: 2007
- Năm đưa vào sử dụng 18/08/2008
- Nguyên giá TSCĐ 562.100.000
- Giá trị hao mòn đã trích tính đến thời điểm thanh lý: 136.933.805
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 425.166.195

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

.....

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ.....
- Giá trị thu hồi.: 272.727.273
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.15: Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 220

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh lý ô tô Civic	811	211	425.166.195	
	214		136.933.805	
Cộng			562.100.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Lập, ngày 27 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.16: Chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 221

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu từ thanh lý ô tô Civic	112	711	272.727.273	
		3331	27.272.727	
Cộng			300.000.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Lập, ngày 27 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.17: Trích sổ cái TK 711

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711: Thu nhập khác
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh tháng 12			
27/12	221	27/12	Thu từ thanh lý ô tô Civic	112		272.727.273
31/12	234	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	272.727.273	
			Cộng phát sinh		272.727.273	272.727.273
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán xác định giá vốn hàng bán ra chính bằng toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của sản phẩm đó sau khi sản phẩm hoàn thành đưa vào nhập kho trong kỳ.

Tại Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cho nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán tiến hành xác định trị giá vốn xuất kho của thành phẩm đó rồi viết phiếu xuất kho. Dựa vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ

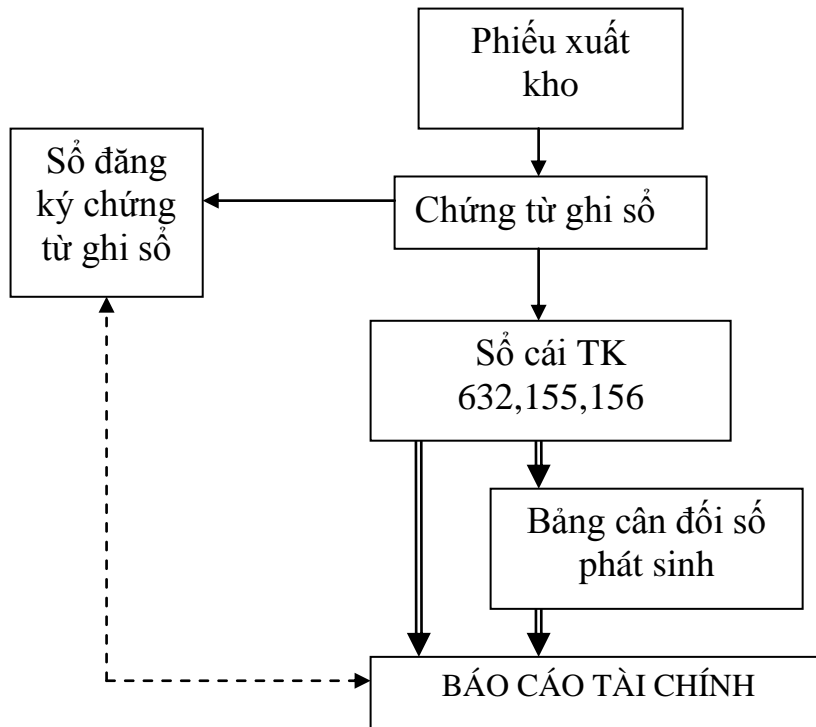
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Khánh Hội



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi cuối tháng : \Longrightarrow
- Đối chiếu : \longleftrightarrow

*** Ví dụ minh họa: Lấy tiếp ví dụ 1**

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Từ phiếu xuất kho, kế toán vào chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ(Biểu mẫu 2.6- trang 46), sau đó được dùng để ghi vào sổ cái tài khoản 632 (Ví dụ trên)

Biểu số 2.18: Phiếu xuất kho

Đơn vị: **Công ty CP Khánh Hội**
 Địa chỉ: **Khu 2- Cẩm Thượng- HD**

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 02-VT
 QĐ số: 48 /2006/QĐ-
 BTC ngày 14/9/2006
 của
 Bộ trưởng BTC
 Nợ: TK 632 Số: 19
 Có: TK 155

Họ tên người nhận hàng: Xí nghiệp thủ công mỹ nghệ Vân Anh

Lý do xuất kho: xuất bán

Xuất tại kho: xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xe điện	XĐ	Cái	03	03	9.250.000	27.750.000
	Cộng						27.750.000

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.19: Chứng từ ghi số

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỐ

Số 179

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán hàng cho XN thủ công mỹ nghệ Vân Anh	632	155	27.750.000	
Cộng			27.750.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Lập, ngày 03 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Trích sổ cái tháng TK 632

Công ty CP Khánh Hội
Khu 2- Cẩm Thượng- HD

Mẫu số S02c1- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
			Tháng 12			
01/12	171	01/12	Xuất kho thành phẩm bán	155	48.215.600	
02/12	174	02/12	Xuất kho thành phẩm bán	155	11.278.000	
03/12	179	03/12	Xuất kho thành phẩm bán	155	27.750.000	
05/12	183	05/12	Xuất kho thành phẩm bán	155	27.645.000	
06/12	186	06/12	Xuất kho hàng hóa bán	156	20.546.000	
					
31/12	235	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		11.991.415.167
			Cộng số phát sinh		11.991.415.167	11.991.415.167
			Số dư cuối kỳ			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

* Tài khoản sử dụng: TK 642

- TK 6421: chi phí bán hàng

Tại công ty trong năm 2010 công ty không chi quảng cáo sản phẩm, nhân viên kế toán kiêm luôn bán hàng nên không có khoản lương nhân viên bán hàng, hoạt động bán hàng được diễn ra tại phòng kế toán, chi phí bán hàng của công ty chỉ là các chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình cho xe đi vận chuyển giao hàng (tiền xăng xe đi giao hàng...)

- TK 6422: chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý của công ty Cổ Phần Khánh Hội bao gồm: tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho công tác quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, chi tiếp khách, hội nghị...)

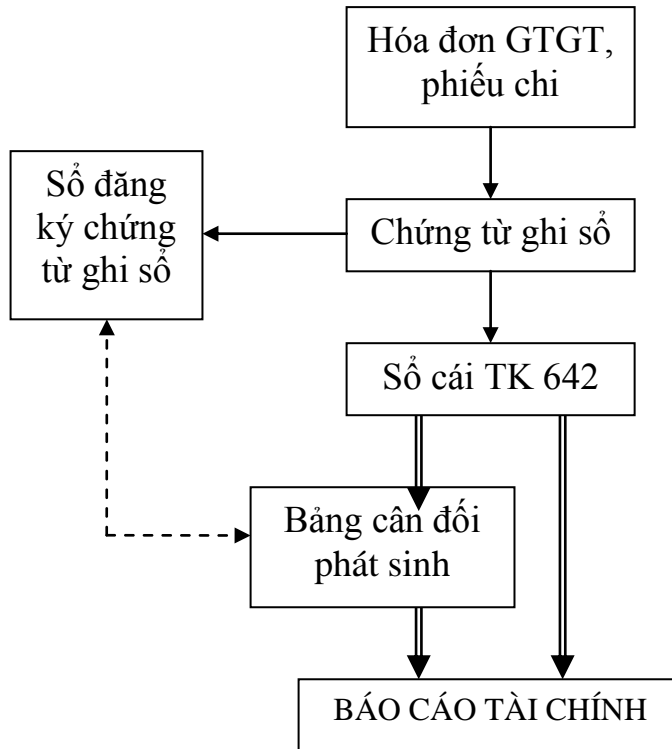
* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu chi

- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận và các chứng từ khác liên quan

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : =====>

Đối chiếu : <----->

Ví dụ: Nghiệp vụ phát sinh ngày 11/12/2010

- Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cố định của Tổng công ty viễn thông Việt Nam tháng 11 năm 2010 cho bộ phận quản lý theo hóa đơn số 6046156, số tiền là 860.450 (Chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

Biểu mẫu 2.1: Phiếu chi

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
 Khu 2- Cẩm Thượng- TP Hải
 Dương

PHIẾU CHI

Quyển số 04
 Số: PC044

Mẫu số 02-TT
 QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14
 tháng 9 năm 2006 của
 Bộ trưởng BTC

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

NỢ: 642-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: *Nguyễn Thị Sáng*
Địa chỉ: *Công ty điện lực chi nhánh Cẩm Thượng*
Lý do chi: *Trả cước điện thoại cố định tháng 11*
Số tiền: *946.495 (đ)*
Viết bằng chữ: *Chín trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm chín năm ngàn đồng chẵn*
Kèm theo: *Chứng từ gốc*

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Biểu mẫu 2.22

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 193

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền điện thoại tháng 11	642	111	860.450	
	133	111	86.045	
Cộng			946.495	

Lập, ngày 11 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi ghi chứng từ ghi sổ, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như biểu mẫu 2.6 (trang 46), đồng thời được dùng để ghi vào sổ cái TK 642

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 642

Công ty CP Khánh Hội
Khu 2- Cẩm Thượng- HD

Mẫu số S02c1- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
			Tháng 12			
					
10/12	188	10/12	Chi tiền xăng xe	111	150.000	
11/12	193	11/12	Chi tiền điện thoại tháng 11	111	860.450	
14/12	196	14/12	Giám đốc chi tiếp khách	111	1.500.000	
.....
31/12/2010	230	31/12/2010	Khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý	214	30.005.618	
31/12/2010	235	31/12/2010	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.704.008.180
			Cộng phát sinh		1.704.008.180	1.704.008.180
			Số dư cuối kỳ			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

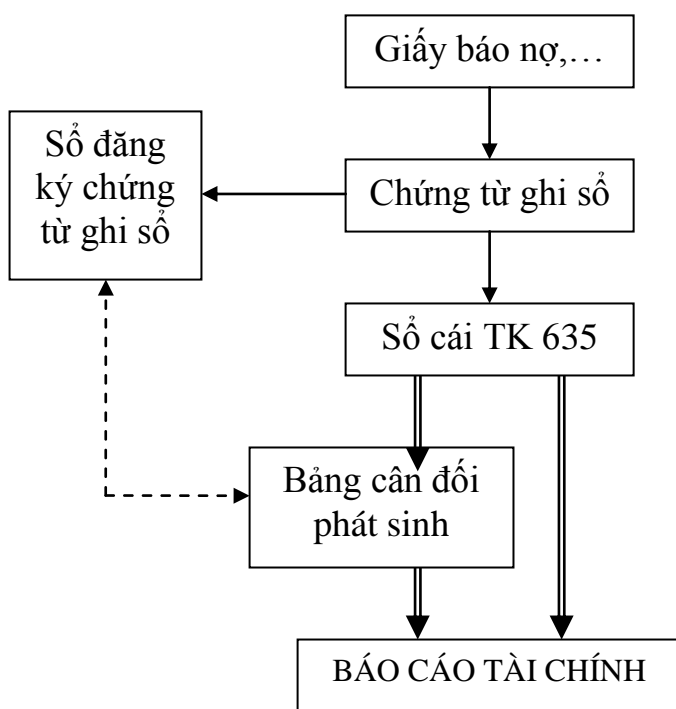
2.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Khánh Hội chú trọng vào việc sản xuất và kinh doanh nên trong quá trình hoạt động, công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, giao dịch chứng khoán hay góp vốn liên doanh. Kết hợp với phương thức thanh toán bằng tiền mặt, trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp bao giờ cũng có một lượng tiền nhất định và doanh nghiệp được hưởng lãi tiền gửi từ số tiền này. Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh do cần thêm vốn nên doanh nghiệp có vay của ngân hàng. Vì vậy, chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh là do trả lãi tiền vay ngân hàng

* Tài khoản sử dụng: TK 635

* Chứng từ sử dụng: giấy báo nợ, các chứng từ khác liên quan hoặc thông báo của ngân hàng.

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : =====>

Đối chiếu : <----->

Ví dụ 2. : Ngày 30/12/2010, công ty chuyển khoản trả lãi tiền vay của TK 0048245 cho ngân hàng MHB, số tiền là 4.082.000đ

Biểu mẫu 2.24: Giấy báo nợ

Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long
Chi nhánh Hải Dương

Mã GDV:
Mã KH:
Số GD:

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30/12/2010

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ : 100045127

Số tiền bằng số : 4.082.100

Số tiền bằng chữ : [+] Bốn triệu không trăm tám mươi hai ngàn VND

Nội dung : ## TRẢ LÃI TIỀN VAY ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu mẫu 2.25

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 228

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lãi tiền vay TK48245	635	112	4.082.100	
Cộng			4.082.100	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Lập, ngày 30 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi ghi chứng từ ghi sổ, kế toán, căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như biểu mẫu 2.6 (trang 46), đồng thời được dùng để ghi vào sổ cái TK 635

Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 635

Công ty CP Khánh Hội
Khu 2- Cẩm Thượng- HD

Mẫu số S02c1- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2010
Tài khoản 635- Chi phí tài chính

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
			Tháng 12			
					
23/12	197	23/12	Trả lãi tiền vay TK 005763	112	976.250	
30/12	228	30/12	Trả lãi tiền vay TK0048245	112	4.082.100	
31/12	235	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		93.342.777
			Cộng số phát sinh		93.342.777	93.342.777
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác tại Công ty Cổ Phần Khánh Hội là giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán.

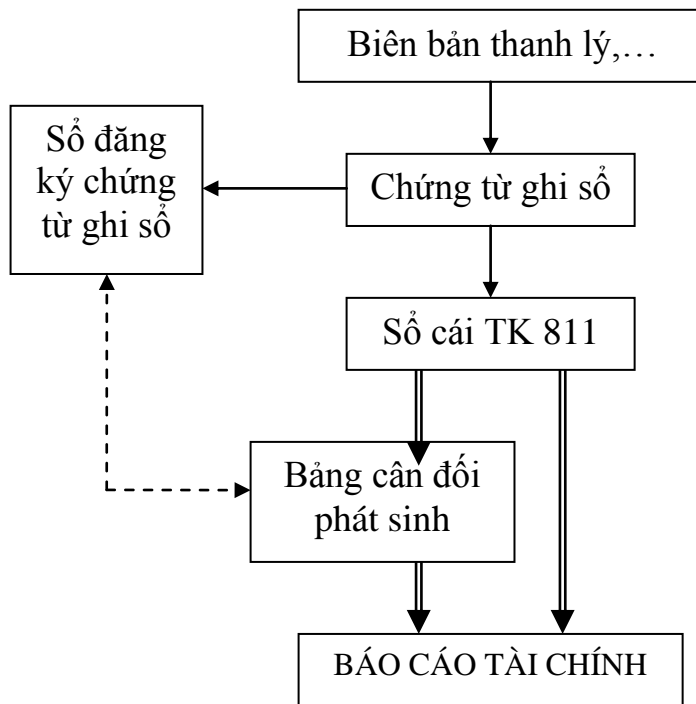
* Tài khoản sử dụng: TK 811

* Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan

* Trình tự hạch toán chi phí khác

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : =====>

Đối chiếu <----->

Năm 2010 công ty phát sinh 1 nghiệp vụ chi phí khác liên quan tới nghiệp vụ thanh lý TSCĐ, trích lại ví dụ 2.3

Tiếp ví dụ 2.3

Ngày 27/12/2010 công ty nhượng bán 1 ô tô Civic cho công ty TNHH Tiến Đạt nguyên giá 562.100.000, đã hao mòn 136.933.805, giá bán chưa thuế GTGT là: 272.727.273, thuế VAT 10% đã thu bằng chuyển khoản

Biểu mẫu 2.27

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 220

Ngày 27 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thanh lý ô tô Civic	811	211	425.166.195	
	214		136.933.805	
Cộng			562.100.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Lập, ngày 27 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi ghi chứng từ ghi sổ, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như biểu mẫu 2.6 (trang 46), đồng thời được dùng để ghi vào sổ cái TK 811.

Biểu mẫu 2.28: Trích sổ cái TK 811

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 811: Chi phí khác

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh tháng 12			
27/12	220	27/12	Thanh lý ô tô Civic	211	425.166.195	
31/12	235	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		425.166.195
			Cộng phát sinh		425.166.195	425.166.195
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ hạch toán

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911.

- Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch (kết chuyển lỗ) sang bên Nợ TK 421

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chúng ta trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- **XĐ thu nhập chịu thuế** = \sum SPS Có TK 911 - \sum SPS Nợ TK 911

- **Thuế TNDN phải nộp** = TN chịu thuế X 25% thuế suất thuế TNDN

Sau khi tính được số thuế TNDN phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911, từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421.

*** Tài khoản sử dụng:**

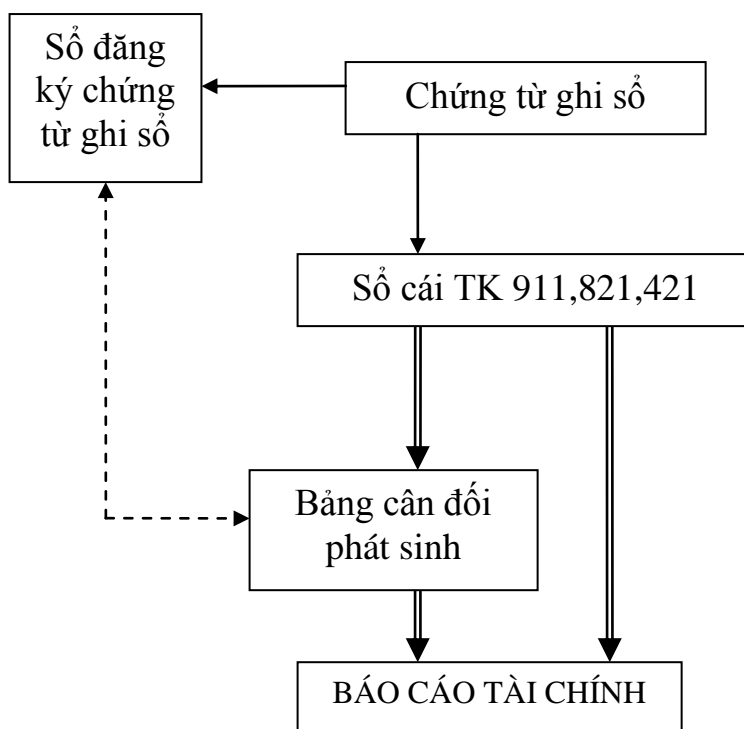
- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.

- TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Khánh Hội được khái quát qua sơ đồ trang bên

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : = = = = =>

Đối chiếu <----->

Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển ta có:

Tổng số phát sinh bên có TK 911 là: 15.317.416.313

Tổng số phát sinh bên nợ TK 911 là: 14.213.932.319

Lợi nhuận trước thuế = 15.317.416.313 – 14.213.932.319 = 1.103.483.994

Thuế TNDN phải nộp = 1.103.483.994 x 25% = 275.870.999

Lợi nhuận sau thuế = 1.103.483.994- 275.870.999= 827.612.996

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập các chứng từ ghi sổ, căn cứ để vào Sổ cái tài khoản 911.

Biểu mẫu 2.29

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 234

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	15.036.283.771	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.405.269	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	272.727.273	
Cộng			15.317.416.313	

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.30

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 235

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn	911	632	11.991.415.167	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	1.704.008.180	
Kết chuyển chi phí TC	911	635	93.342.777	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	425.166.195	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	275.870.999	
Kết chuyển lãi	911	421	827.612.996	
Cộng			15.317.416.313	

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 2.6: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Khánh Hội
Cầm Thượng- TP Hải Dương

Mẫu số S02b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
T1/2010		
1	03/01/2010	97.500.652
2	03/01/2010	16.460.125
.....
Cộng T 1	2.689.842.675
.....
T12/2010		
.....
178	03/12/2010	33.000.000
179	03/12/2010	27.750.000
.....
182	05/12/2010	32.340.000
183	05/12/2010	27.645.000
.....
193	11/12/2010	946.495
.....
220	27/12/2010	562.100.000
221	27/12/2010	300.000.000
.....
228	30/12/2010	4.082.100
.....
231	31/12/2010	915.107
.....
234	31/12/2010	15.317.416.313
235	31/12/2010	15.317.416.313
Cộng T12		32.450.164.876
Tổng cộng		114.378.496.492

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31 Trích sổ cái tháng 12

Công ty CP Khánh Hội
Khu 2- Cẩm Thượng- HD

Mẫu số S02c1- DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12/2010	234	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng &CCDV	511		15.036.283.771
			Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		8.405.269
			Kết chuyển thu nhập khác	711		272.727.273
31/12/2010	235	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn	632	11.991.415.167	
			Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.704.008.180	
			Kết chuyển chi phí TC	635	93.342.777	
			Kết chuyển chi phí khác	811	425.166.195	
			Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	275.870.999	
			Kết chuyển lãi	421	827.612.996	
			Tổng số phát sinh		15.317.416.313	15.317.416.313
			Số dư cuối kỳ			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội

Mẫu số B02-DNN

Địa chỉ: Khu 2- Cẩm Thượng- TP Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	15.036.283.771	10.160.396.371
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		15.036.283.771	10.160.396.371
4	Giá vốn hàng bán	11		11.991.415.167	7.965.322.959
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV (20=10-11)	20		3.044.868.604	2.195.073.412
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.405.269	3.003.400
7	Chi phí tài chính	22		93.342.777	30.067.500
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		93.342.777	30.067.500
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.704.008.180	1.420.006.817
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		1.255.922.916	748.002.495
10	Thu nhập khác	31		272.727.273	22.006.469
11	Chi phí khác	32		425.166.195	
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(152.438.922)	22.006.469
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	1.103.483.994	770.008.964
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		275.870.999	192.502.241
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51)	60		827.612.996	577.506.723

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3. NHẬN XÉT VỀ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI

2.3.1. Ưu điểm

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy: bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty.

➤ Về bộ máy quản lý.

Công ty Cổ Phần Khánh Hội đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý.

➤ Về bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

- Công ty rất quan tâm đến công tác tài chính – kế toán, thường xuyên tập trung củng cố bộ máy phòng kế toán theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu báo cáo thống kê kịp thời, chính xác, đúng quy định của các ngành quản lý chức năng.

➤ Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Chứng từ ghi sổ đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và qui mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

➤ Về tổ chức công tác hạch toán kế toán.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ. Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực đầy đủ rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định mà công ty cần phải khắc phục.

Thứ nhất: về hệ thống sổ kế toán. Kế toán không mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán). Điều này khiến kế toán gặp khó khăn trong việc theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Cũng từ đó, ban lãnh đạo doanh nghiệp chưa nắm bắt kịp thời được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của doanh nghiệp như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp

Thứ hai: về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số nợ khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

Thứ ba: Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện

trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

Chương 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI****3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN*****3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Khánh Hội.***

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty Công ty Cổ Phần Khánh Hội nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì

vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.1.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

d. Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2. NỘI DUNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁNH HỘI

Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ Phần Khánh Hội trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả cao hơn. Em xin mạnh dạn được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

3.2.1. Kiến nghị 1: Về hệ thống sổ kế toán

Trong quá trình bán hàng của công ty, vẫn còn nhiều khách hàng mua chịu, thậm chí còn khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy, công ty cần mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp chi tiết thanh toán người mua (người bán) để theo dõi việc thanh toán với người mua (người bán) theo từng đối tượng, từng thời hạn thanh toán theo biểu mẫu 3.1 và biểu 3.2

Biểu mẫu 3.1: Sổ chi tiết thanh toán người mua (người bán)

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội

Mẫu số S13- DNN

Địa chỉ: Khu 2-Cẩm Thượng-Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Năm:.....

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn được hưởng CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			- Cộng số phát sinh						
			- Số dư cuối kỳ						

Biểu mẫu 3.2: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán người mua (người bán)

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội

Địa chỉ: Khu 2-Cẩm Thượng-Hải Dương

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN NGƯỜI MUA

Tài khoản:.....

Năm:.....

STT	Tên khách hàng(đối tượng)	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng						

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội
Địa chỉ: Khu 2- Cẩm Thượng- Hải Dương

Mẫu số S13- DNN
 (Ban hành hteo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản 131

Đối tượng: Công ty may Richway – Ngọc Sơn
 Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Thời hạn được hưởng CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					-	
			Số phát sinh T12/2010						
05/12	006874	05/12	Thùng đựng rác	511		29.400.000		29.400.000	
				3331		2.940.000		32.340.000	
21/12	006882	21/12	Xe chở rác	511		15.500.000		47.840.000	
				3331		1.550.000		49.390.000	
24/12	NA00451	24/12	Thanh toán bằng CK	112			29.390.000	20.000.000	
			Cộng phát sinh			49.390.000	29.390.000		
			Số dư cuối kỳ					20.000.000	

Đơn vị: Công ty CP Khánh Hội
Địa chỉ: Khu 2- Cẩm Thượng- Hải Dương

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản:131- Phải thu khách hàng
 Năm 2010

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Công ty may Richway	-		85.452.600	64.800.690	20.651.910	
2	Bệnh viên đa khoa Hải Dương	98.450.800		64.450.345	125.560.145	37.341.000	
3	Trường mầm non Sao Mai- Tứ Kỳ	10.500.000		36.800.000	25.870.0002	21.430.000	

	Cộng

3.2.2. Kiến nghị 2: Về vấn đề lập dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 159(1592) – “dự phòng phải thu khó đòi” là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

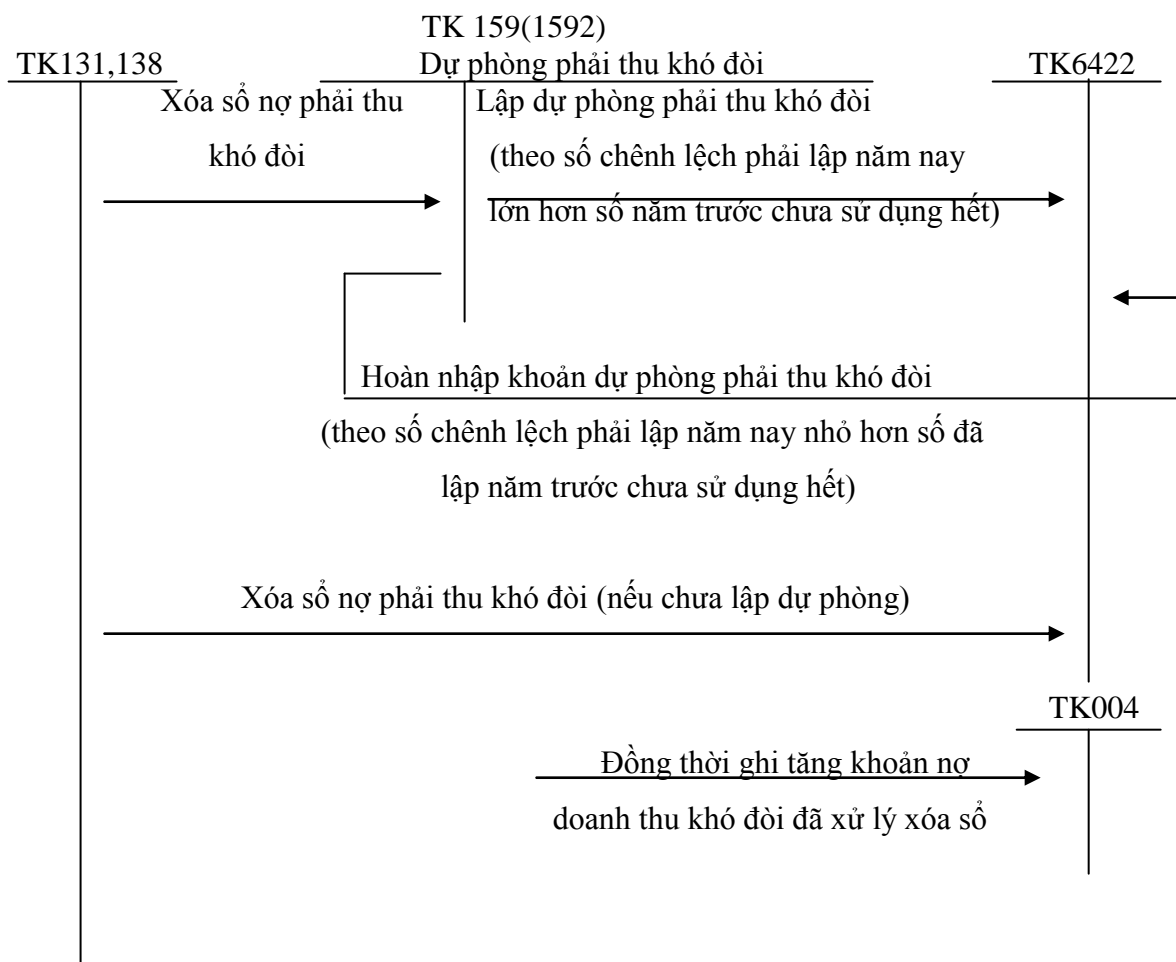
Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên phải xử lý như nợ phải thu không có khả năng thu hồi, kế toán thực hiện bút toán xóa sổ và theo dõi ở tài khoản ngoài bảng

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi (trang bên)

Sơ đồ 3.1: Kế toán dự phải thu khó đòi



3.2.3. Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán, ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhằm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong

công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Khánh hội cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo, TS Giang Thị Xuyên người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, các cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Sinh viên

Vũ Thị Hoa

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình kế toán tài chính – ĐH KTQD
- Giáo trình kế toán quản trị - ĐH KTQD
- Quyết định 48/2006 QĐ - BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp I, Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp II, Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa- Nhà xuất bản thống kê Hà Nội- 2010 (Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính).
- Website: **www.Google.com**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Số thứ tự
SPS	Số phát sinh
CTGS	Chứng từ ghi sổ
SH	Số hiệu
NT	Ngày tháng
NTGS	Ngày tháng ghi sổ
TK	Tài khoản
TK ĐƯ	Tài khoản đối ứng
TSCĐ	Tài sản cố định
GTGT	Giá trị gia tăng
XDCB	Xây dựng cơ bản
HĐTC	Hoạt động tài chính
QLKD	Quản lý kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1	Trình tự kế toán doanh thu theo phương thức trực tiếp
Sơ đồ 1.2	Trình tự kế toán bán hàng đại lý ký gửi
Sơ đồ 1.3	Trình tự kế toán bán hàng trả chậm, trả góp
Sơ đồ 1.4	Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Sơ đồ 1.5	Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính
Sơ đồ 1.6	Trình tự kế toán thu nhập khác
Sơ đồ 1.7	Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên
Sơ đồ 1.8	Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ
Sơ đồ 1.9	Trình tự kế toán chi phí bán hàng
Sơ đồ 1.10	Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp
Sơ đồ 1.11	Trình tự kế toán chi phí hoạt động tài chính
Sơ đồ 1.12	Trình tự kế toán chi phí khác
Sơ đồ 1.13	Trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Sơ đồ 1.14	Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh
Sơ đồ 2.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty
Sơ đồ 2.2	Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty
Sơ đồ 2.3	Trình tự ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ
Sơ đồ 2.4	Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Sơ đồ 2.5	Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính
Sơ đồ 2.6	Quy trình hạch toán thu nhập khác
Sơ đồ 2.7	Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán
Sơ đồ 2.8	Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh
Sơ đồ 2.9	Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính
Sơ đồ 2.10	Quy trình hạch toán chi phí khác
Sơ đồ 2.11	Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh
Biểu 2.1	Trích hóa đơn giá trị gia tăng (liên 3)
Biểu 2.2	Trích phiếu thu
Biểu 2.3	Trích phiếu xuất kho
Biểu 2.4	Trích sổ chi tiết bán hàng
Biểu 2.5	Trích chứng từ ghi sổ số 178
Biểu 2.6	Trích sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
Biểu 2.7	Trích sổ cái TK 511
Biểu 2.8	Trích hóa đơn giá trị gia tăng liên 3
Biểu 2.9	Trích phiếu xuất kho
Biểu 2.10	Trích chứng từ ghi sổ số 182
Biểu 2.11	Trích giấy báo có
Biểu 2.12	Trích chứng từ ghi sổ số 231
Biểu 2.13	Trích sổ cái TK 515
Biểu 2.14	Trích biên bản thanh lý tài sản cố định
Biểu 2.15	Trích chứng từ ghi sổ số 220
Biểu 2.16	Trích chứng từ ghi sổ số 221
Biểu 2.17	Trích sổ cái TK 711
Biểu 2.18	Trích phiếu xuất kho
Biểu 2.19	Trích chứng từ ghi sổ số 179
Biểu 2.20	Trích sổ cái TK 632
Biểu 2.21	Trích phiếu chi

Biểu 2.22	Trích chứng từ ghi sổ
Biểu 2.23	Trích sổ cái TK 642
Biểu 2.24	Trích giấy báo nợ
Biểu 2.25	Trích chứng từ ghi sổ số 228
Biểu 2.26	Trích sổ cái TK 635
Biểu 2.27	Trích chứng từ ghi sổ số 220
Biểu 2.28	Trích sổ cái TK 811
Biểu 2.29	Trích chứng từ ghi sổ số 234
Biểu 2.230	Trích chứng từ ghi sổ số 235
Biểu 2.31	Trích sổ cái TK 911
Biểu 3.1	Trích sổ chi tiết thanh toán người mua
Biểu 3.2	Trích bảng tổng hợp thanh toán người mua